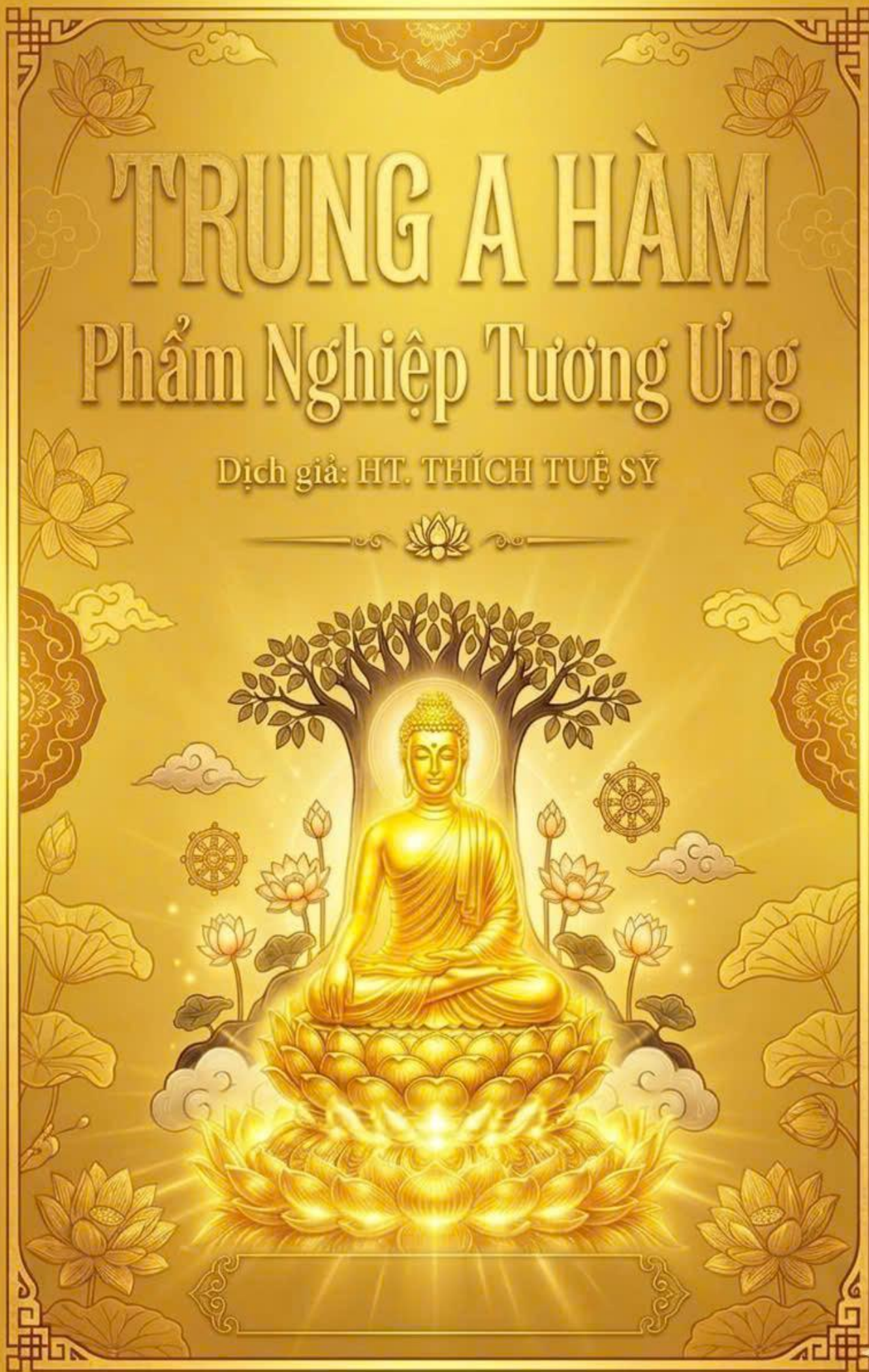


TRUNG A HÀM

Phẩm Nghiệp Tương Ứng

Dịch giả: HT. THÍCH TUỆ SỸ



TRUNG A HÀM

PHẨM NGHIỆP TƯƠNG ƯNG

11. Kinh Diệm Dụ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Nếu tùy theo nghiệp được tạo tác của mỗi người mà thọ lấy quả báo của nó; như vậy, không có sự thực hành phạm hạnh, không thể diệt tận khổ. Nếu nói như vậy: ‘Tùy theo nghiệp được tạo tác của mỗi người mà thọ lấy quả báo của nó’. Như vậy, có sự tu hành phạm hạnh, có được dự diệt tận được khổ.

“Vì sao như vậy? Giả sử có người tạo nghiệp bất thiện, tất phải thọ quả khổ là quả báo của địa ngục. Thế nào là người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo của địa ngục? Nghĩa là, nếu có người không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ, thọ mạng rất ngắn. Đó là người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo của địa ngục. Ví như có người đem một lạng muối bỏ vào một chút nước, muốn làm cho nước mặn không thể uống được, các người nghĩ sao, một lạng muối đó có thể làm cho một ít nước mặn đi không thể uống được chăng?”

Đáp rằng:

“Đúng như vậy, bạch Thế Tôn, vì sao thế? Vì muối nhiều, nước ít, nên có thể làm cho mặn đi không thể uống được”.

“Cũng vậy, nếu có người tạo nghiệp bất thiện, tất phải thọ quả khổ là quả báo của địa ngục. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo của địa ngục? Nghĩa là, có một người không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ, thọ mạng rất ngắn. Đó là người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo của địa ngục.

“Lại nữa, có người tạo nghiệp bất thiện, tất phải thọ quả khổ là quả báo trong đời hiện tại? Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong đời hiện tại? Nghĩa

là, có một người tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ, thọ mạng rất dài. Đó là có người tạo nghiệp bất thiện, tất phải thọ quả khổ là quả báo trong đời hiện tại. Cũng như có người đem một lạng muối bỏ vào sông Hằng, muốn làm cho nước mặn không thể uống được. Các người nghĩ sao? Một lạng muối đó, lại có thể làm cho nước sông Hằng mặn không thể uống được chăng?

Đáp rằng:

“Không thể được, bạch Thế Tôn, vì sao vậy? Vì nước sông Hằng rất nhiều mà một lạng muối thì quá ít, do đó không thể làm mặn đi đến không uống được”.

“Cũng vậy, có người tạo nghiệp bất thiện, tất phải thọ quả khổ là quả báo trong đời hiện tại. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong đời hiện tại? Nghĩa là, có một người tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ, thọ mạng rất dài. Đó là có nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong đời hiện tại.

“Lại nữa, có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong địa ngục. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong địa ngục? Nghĩa là, có một người không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ, thọ mạng rất ngắn. Đó là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong địa ngục. Ví như có người đoạt lấy con dê của người khác. Thế nào là có người đoạt lấy con dê của người khác? Nghĩa là, người đoạt dê ấy, hoặc vua, hoặc quan, có nhiều uy thế; người chủ dê kia thì nghèo hèn, không thể lực. Kẻ ấy vì không thể lực nên van lơn đủ thứ, chấp tay cầu xin, nói như thế này: ‘Thưa Tôn giả, xin ngài trả lại dê cho tôi. Hoặc trả tôi đúng giá tiền’. Đó là có người đoạt dê của kẻ khác. Cũng vậy, có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong địa ngục. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong địa ngục? Nghĩa là, có một người không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ, thọ mạng rất dài. Đó là người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong địa ngục.

“Lại nữa, có người tạo nghiệp bất thiện, tất phải thọ quả khổ là quả báo ngay trong đời hiện tại. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong đời hiện tại? Nghĩa là, có một người tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ, thọ mạng

rất dài. Đó là có người tạo nghiệp bất thiện, tất phải thọ quả khổ là quả báo trong đời hiện tại. Cũng như có người trộm được dê của kẻ khác, nhưng chủ dê đoạt lại. Thế nào là có người trộm được dê của kẻ khác, nhưng chủ dê đoạt lại? Nghĩa là, người trộm dê kia nghèo hèn, không thể lực; còn người chủ dê kia hoặc vua, hay quan, có rất nhiều uy lực. Vì có nhiều uy lực nên bắt trói người lấy trộm và đoạt lại dê. Đó là có người dù trộm được dê của kẻ khác, nhưng bị chủ đoạt trở lại. Cũng vậy, có người tạo nghiệp bất thiện, chắc chắn phải thọ quả khổ là quả báo trong đời hiện tại báo. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện, tất phải thọ quả khổ là quả báo trong đời hiện tại? Nghĩa là, có một người tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ, thọ mạng rất dài. Đó là có người tạo nghiệp bất thiện, tất thọ quả khổ là quả báo trong đời hiện tại.

“Lại nữa, có người tạo nghiệp bất thiện, tất phải thọ khổ là quả báo trong địa ngục. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong địa ngục? Nghĩa là, có một người không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ, thọ mạng rất ngắn. Đó là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong địa ngục. Cũng như có người nợ kẻ khác năm tiền, bị chủ bắt trói; cho đến chỉ nợ một tiền cũng như bị chủ nợ bắt trói. Thế nào là có người nợ kẻ khác năm tiền, bị chủ nợ bắt trói; cho đến chỉ nợ một tiền cũng bị chủ nợ bắt trói? Nghĩa là, người mắc nợ kia nghèo, không có thể lực. Người kia vì nghèo và không có thể lực nên nợ kẻ khác năm tiền liền bị chủ nợ bắt trói; cho đến chỉ nợ một tiền cũng bị chủ nợ bắt trói. Cũng vậy, có người tạo nghiệp bất thiện phải thọ quả khổ là quả báo trong địa ngục. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong địa ngục? Nghĩa là, có một người không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ, thọ mạng rất ngắn. Đó là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong địa ngục.

“Lại nữa, có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong đời hiện tại. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong đời hiện tại? Nghĩa là, có một người tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ, thọ mạng rất dài. Đó là có một người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong đời hiện tại. Cũng như có người dù mắc nợ một trăm tiền nhưng không bị chủ nợ bắt trói; cho đến nợ ngàn vạn

tiền cũng không bị chủ nợ bắt trói? Nghĩa là người mắc nợ có vô lượng tài sản và thế lực rất lớn. Người ấy nhờ vậy dù mắc nợ trăm ngàn tiền vẫn không bị chủ nợ bắt trói. Đó là người mắc dù mắc nợ trăm tiền vẫn không bị chủ nợ bắt trói, cho đến nợ ngàn vạn tiền cũng không bị chủ nợ bắt trói. Cũng vậy, có người tạo nghiệp bất thiện, tất phải thọ quả khổ là quả báo trong đời hiện tại. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong đời hiện tại? Nghĩa là, có một người tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ, thọ mạng rất dài? Đó là người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả khổ là quả báo trong đời hiện tại. Người ấy ở trong đời hiện tại giả sử có thọ báo của thiện hay ác nhưng chỉ nhẹ nhàng, chút ít thôi”.

Phật thuyết giảng như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

12. Kinh Hòa Phá

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại Thích-ki-sầu nước Ca-duy-la-vệ, trong vườn Ni-câu-loại.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cùng với chúng Đại Tỳ-kheo sau giờ ăn trưa, vì có việc nên tập hợp ngồi tại giảng đường. Lúc bấy giờ Ni-kiền có một người đệ tử thuộc dòng họ Thích tên Hòa-phá, sau giờ ăn trưa, thông thả đi đến chỗ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên; cùng chào hỏi nhau rồi ngồi sang một bên.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi sự việc như thế này:

“Này Hòa-phá, ý ông nghĩ sao? Giả sử có Tỳ-kheo thủ hộ thân, miệng, ý; trong trường hợp này, ông có thấy vị ấy nhân đó mà sanh khởi lậu bất thiện, khiến cho đến đời sau chăng?”

Hòa-phá trả lời rằng:

“Này Đại Mục-kiền-liên, giả sử có vị Tỳ-kheo thủ hộ thân, miệng, ý; trong trường hợp này tôi thấy rằng nhân đó mà sanh khởi lậu bất thiện, khiến cho đến đời sau. Này Đại Mục-kiền-liên, giả sử có ai ở đời trước hành bất thiện hạnh, người ấy do đó mà sanh khởi lậu bất thiện khiến cho đến đời sau”.

Lúc đó Đức Thế Tôn đang tĩnh tọa ở chỗ vắng vẻ; bằng thiên nhĩ thanh tịnh siêu việt loài người, nghe Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và Thích Hòa-phá đệ tử của Ni-kiên cùng bàn luận như thế.

Đức Thế Tôn nghe xong, vào lúc xế chiều, rời chỗ tĩnh tọa, đi đến giảng đường, trải chỗ và ngồi trước chúng Tỳ-kheo. Sau khi ngồi, Đức Thế Tôn hỏi rằng:

“Này Đại Mục-kiền-liên, vừa rồi ông cùng đệ tử của Ni-kiên Thích Hòa-phá bàn luận về việc gì? Lại có việc gì mà tập họp ngồi tại giảng đường?”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, hôm nay con cùng với chúng Đại Tỳ-kheo sau giờ ăn trưa, vì có việc nên tập họp ngồi tại giảng đường. Lúc bấy giờ đệ tử Ni-kiên thuộc Thích Hòa-phá này, sau giờ ăn trưa, thông thả đi đến chỗ con; cùng chào hỏi nhau rồi ngồi sang một bên. Con hỏi như vậy: ‘Này Hòa-phá, ý ông nghĩ sao? Giả sử có Tỳ-kheo thủ hộ thân, miệng, ý; trong trường hợp này, ông có thấy vị ấy nhân đó mà sanh khởi lậu bất thiện, khiến cho đến đời sau chăng?’ Hòa-phá trả lời con rằng: ‘Này Đại Mục-kiền-liên, giả sử có Tỳ-kheo thủ hộ thân, miệng, ý; trong trường hợp này tôi thấy rằng nhân thế mà sanh khởi lậu bất thiện, khiến cho đến đời sau. Này Đại Mục-kiền-liên, giả sử có ai ở đời trước hành bất thiện hạnh, người ấy do đó mà sanh khởi lậu bất thiện khiến cho đến đời sau’. Bạch Thế Tôn, vừa rồi con cùng Thích Hòa-phá đệ tử Ni-kiên bàn luận như vậy. Vì việc đó mà ngồi tập họp tại giảng đường”.

Lúc đó Đức Thế Tôn bảo Thích Hòa-phá, đệ tử của Ni-kiên rằng:

“Nếu những gì ta nói là đúng, ông trả lời là đúng; nếu không đúng ông nên trả lời là không đúng. Ông có điều gì nghi ngờ thì nên hỏi ta như vậy: ‘Sa-môn Cù-đàm, cái này có sự gì? Cái này có ý nghĩa gì?’ Tùy những điều Ta nói mà ông có thể tiếp nhận được thì Ta với ông có thể bàn luận điều ấy”.

Hòa-phá trả lời rằng:

“Sa-môn Cù-đàm, nếu điều Ngài nói là đúng, tôi sẽ nói là đúng. Nếu không đúng tôi sẽ nói là không đúng. Nếu có điều nào nghi ngờ tôi sẽ hỏi Cù-đàm: ‘Thưa Cù-đàm, điều này có sự gì? Điều này có nghĩa gì?’ Tùy theo những điều Sa-môn Cù-đàm nói,

tôi tiếp nhận. Vậy, Sa-môn Cù-đàm hãy cùng tôi bàn luận việc ấy”.

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

“Ý Hòa-phá nghĩ sao? Giả sử có Tỳ-kheo sanh khởi thân hành bất thiện, lậu, nóng bức, ưu sầu. Vị ấy sau đó thân hành bất thiện được diệt trừ, không tạo thêm những nghiệp mới, vứt bỏ nghiệp cũ, tức thời ngay trong đời hiện tại liền đạt đến cứu cánh, không còn bị nóng bức, thường trụ bất biến, tức điều được nói là được thấy bởi Thánh tuệ, được biết bởi Thánh tuệ. Nếu thân hành bất thiện, khẩu hành bất thiện, ý hành bất thiện, vô minh hành, lậu, nóng bức và ưu sầu, người ấy sau đó diệt trừ vô minh hành bất thiện, không tạo thêm những nghiệp mới, vứt bỏ nghiệp cũ, ngay trong đời này liền chứng được cứu cánh, không còn nóng bức, thường trú bất biến, tức điều được nói là được thấy bởi Thánh tuệ, được biết bởi Thánh tuệ. Thế nào, này Hòa-phá Tỳ-kheo thủ hộ thân, miệng, ý như vậy, trong trường hợp này ông có thấy vị đó nhân mà sanh khởi lậu bất thiện, khiến cho đến đời sau chăng?”

Hòa-phá trả lời rằng:

“Thưa Cù-đàm, giả sử có vị Tỳ-kheo thủ hộ thân, miệng, ý như vậy, trong trường hợp này tôi không thấy vị ấy do đó mà sanh khởi lậu bất thiện khiến cho đến đời sau”.

Đức Thế Tôn khen rằng:

“Lành thay, Hòa-phá, thế nào, này Hòa-phá, nếu có Tỳ-kheo vô minh đã dứt hết, minh đã sanh khởi. Vị ấy vô minh đã dứt hết, minh đã sanh khởi; cảm giác về hậu thân sanh khởi thì biết là cảm giác về hậu thân sanh khởi; khi cảm giác về hậu mạng sanh khởi thì biết là cảm giác về hậu mạng sanh khởi. Khi thân hoại mạng chung, tuổi thọ đã kết thúc, ngay trong đời này, tất cả mọi cảm giác đã ngưng bật, tự thân mình biết sẽ đi đến chỗ lãnh đạm hoàn toàn.

“Này Hòa-phá, cũng như nhân cây mà có bóng. Giả sử có người mang búa thật bén đến chặt đứt rễ cây, chặt nát ra thành nhiều khúc, phá làm mười phần, hoặc trăm phần, đốt cháy thành tro, rồi hoặc để gió thổi bay đi, hoặc mang bỏ vào trong nước. Ý Hòa-phá nghĩ sao? Bóng nhân cây mà có; bóng ấy do đó mà mất hẳn cái nhân của nó, nên tuyệt diệt không còn sanh nữa chăng?”

Hòa-phá trả lời rằng:

“Đúng như thế, thưa Cù-đàm”.

“Này Hòa-phá, nên biết vị Tỳ-kheo kia lại cũng như vậy. Vô minh đã dứt hết, minh đã sanh khởi. Vị kia vô minh đã dứt hết, minh đã sanh khởi; cảm giác về hậu thân sanh khởi thì biết là cảm giác về hậu thân sanh khởi; khi cảm giác về hậu mạng sanh khởi thì biết là cảm giác về hậu mạng sanh khởi. Khi thân hoại mạng chung, tuổi thọ đã kết thúc, ngay trong đời này, tất cả mọi cảm giác đã ngưng bật, tự thân mình biết sẽ đi đến chỗ lãnh đạm hoàn toàn. Này Hòa-phá, vị Tỳ-kheo với tâm giải thoát chơn chánh như vậy, liền được sáu trụ xứ thiện. Sáu trụ xứ đó là gì? Này Hòa-phá, Tỳ-kheo mắt thấy sắc mà không hỷ, không ưu, xả cầu, vô vi, chánh niệm, chánh trí. Này Hòa-phá, vị Tỳ-kheo chánh tâm giải thoát như vậy, đó gọi là được trú xứ thiện thứ nhất. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý biết pháp mà không hỷ không ưu, xả cầu, vô vi, chánh niệm, chánh trí. Này Hòa-phá, vị Tỳ-kheo chánh tâm giải thoát như vậy, đó gọi là được trú xứ thứ sáu.

Hòa-phá bạch rằng:

“Đúng như vậy, thưa Sa-môn Cù-đàm!”

“Đa văn Thánh đệ tử chánh tâm giải thoát như vậy, được sáu trụ xứ thiện. Sáu trụ xứ thiện là những gì?”

“Thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử khi mắt thấy sắc, không hỷ, không ưu, xả cầu, vô vi, chánh niệm, chánh trí”.

“Này Hòa-phá, Tỳ-kheo với tâm giải thoát chơn chánh như vậy, được nói là đạt được trú xứ thiện thứ nhất. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý biết pháp mà không hỷ, không ưu, xả cầu, vô vi, chánh niệm, chánh trí. Này Hòa-phá, Tỳ-kheo với tâm giải thoát chơn chánh như vậy được nói là đạt được trú xứ thiện thứ sáu. Này Hòa-phá, Tỳ-kheo với tâm giải thoát chơn chánh như vậy, được sáu trú xứ thiện này”.

Hòa-phá bạch rằng:

“Đúng như thế, thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử với tâm giải thoát chơn chánh như vậy, được sáu trú xứ thiện. Thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử khi mắt thấy sắc, không hỷ, không ưu, xả cầu, vô vi, chánh niệm, chánh trí. Thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử với tâm giải thoát chơn chánh như vậy, được nói là đạt được trú xứ thiện thứ nhất. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý biết pháp

mà không hỷ, không ưu, xả cầu, vô vi, chánh niệm, chánh trí. Thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử với tâm giải thoát chơn chánh như vậy được nói là đạt được trụ xứ thiện thứ sáu. Như vậy, Thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử với tâm giải thoát chơn chánh như vậy, được sáu trụ xứ thiện này”.

Rồi thì, Hòa-phá bạch Thế Tôn rằng:

“Bạch đức Cù-đàm, con đã biết. Bạch Đức Thiện Thệ, con đã hiểu. Bạch Đức Cù-đàm, cũng như người có mắt sáng, cái gì bị úp thì lật lên; cái gì bị che đậy thì giở ra; đối với người mê thì chỉ đường cho; trong tối tăm thì cho ánh sáng để ai có mắt thì thấy ánh sáng màu sắc. Sa-môn Cù-đàm cũng giống như vậy, vì con mà dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp và hiển hiện nghĩa lý, theo đạo thậm thâm.

“Bạch Thế Tôn, hôm nay con xin tự quy y với Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo, duy nguyện Thế Tôn nhận cho con làm Ưu-bà-tắc; kể từ hôm nay trọn đời xin tự quy y, cho đến mạng chung.

“Bạch Thế Tôn, cũng như người nuôi con ngựa dở mà mong có lợi ích. Bạch Thế Tôn, con cũng như vậy. Ni-kiền ngu si kia không khéo hiểu rõ, không thể giải biết, không biết được ruộng tốt, không suy xét mà cung kính, lễ bái, phụng sự trong một thời gian dài, mong được lợi ích, nhưng chỉ luống nhọc khổ, vô ích. Bạch Thế Tôn, con nay lần nữa xin tự quy y Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo, duy nguyện Thế Tôn nhận cho con làm Ưu-bà-tắc; kể từ hôm nay, trọn đời xin tự quy y, cho đến mạng chung.

“Bạch Thế Tôn, con vốn không biết nên đối với Ni-kiền ngu si kia mà có tín, có kính, từ nay dứt hẳn. Vì sao thế? Vì phình gạc con vậy. Bạch Thế Tôn, nay lần thứ ba xin tự quy y với Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo, duy nguyện Thế Tôn nhận lời cho con làm Ưu-bà-tắc; hôm nay, trọn đời xin tự quy y, cho đến khi mạng chung”.

Phật thuyết như vậy. Thích Hòa-phá và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

13. Kinh Độ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, ở tại Thắng lâm trong vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Có ba độ xứ khác chủng tánh, khác danh xưng, khác tông chỉ, khác học thuyết, mà dù cho người có trí tuệ khéo nhận lãnh, khéo ghi nhớ để nói cho người khác, nhưng cũng không thu hoạch được lợi ích.

“Những gì là ba? Hoặc có Sa-môn, Phạm chí thấy như vậy, nói như vậy: Tất cả hành vi của con người đều nhân túc mạng định sẵn.

“Lại có Sa-môn, Phạm chí thấy như vậy, nói như vậy: Tất cả hành vi của con người đều do Đấng Tôn Hựu định sẵn.

“Lại có Sa-môn, Phạm chí thấy như vậy, nói như vậy: Tất cả hành vi của con người đều vô nhân, vô duyên.

“Ở trong đây, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào thấy như vậy, nói như vậy: ‘Tất cả hành vi của con người đều nhân túc mạng định đoạt’, Ta liền đến nơi người kia; đến rồi liền hỏi: ‘Này Hiền giả, có thật Hiền giả thấy như vậy, nói như vậy: Tất cả hành vi của con người đều nhân túc mạng định đoạt chẳng? Người kia trả lời rằng: ‘Thật vậy’. Ta lại nói với người kia rằng: ‘Nếu quả thật như vậy, các Hiền giả đều là những kẻ sát sanh cả. Vì sao thế? Bởi vì tất cả đều nhân túc mạng định đoạt sẵn. Cũng vậy, chư Hiền là những kẻ trộm cắp, tà dâm, nói láo cho đến tà kiến. Tại sao thế? Bởi vì tất cả đều nhân túc mạng định đoạt sẵn. Này chư Hiền, đối với kiến chấp rằng: Tất cả đều nhân túc mạng định đoạt sẵn, mà cho là như thật, thì ở bên trong, nhân bên trong, những điều nên hay không nên làm, hoàn toàn không có ý dục, không có phương tiện. Này chư Hiền, nếu đối với điều nên làm và không nên làm mà không biết đúng như thật thì sẽ mất chánh niệm, không có chánh trí, thì không có cách nào giáo hóa đúng theo pháp của Sa-môn được’. Nói như vậy mới có thể dùng lý để khuất phục các Sa-môn, Phạm chí kia.

“Ở đây, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào, thấy như vậy, nói như vậy: ‘Tất cả hành vi đều nhân Đấng Thiên Hựu định đoạt’. Ta liền đi đến chỗ người kia, đến rồi liền hỏi: ‘Này Hiền giả, có thật Hiền giả thấy như vậy, nói như vậy: Tất cả hành vi của con người đều nhân Thiên Hựu định đoạt chẳng? Người kia trả lời rằng: ‘Thật vậy’. Ta lại nói với người kia rằng: ‘Nếu quả thật như vậy, các Hiền giả đều là những kẻ sát sanh cả. Vì sao thế? Bởi vì tất cả đều nhân Thiên Hựu định đoạt sẵn. Cũng vậy, này chư Hiền là

những kẻ trộm cắp, tà dâm, nói láo cho đến tà kiến. Tại sao thế? Bởi vì tất cả đều nhân Thiên Hựu định đoạt sẵn. Nay chư Hiền, đối với kiến chấp rằng: Tất cả đều nhân Thiên Hựu định đoạt sẵn, mà cho là như thật, thì ở bên trong, nhân bên trong, những điều nên hay không nên làm, hoàn toàn không có ý dục, không có phương tiện. Nay chư Hiền, nếu đối với điều nên làm và không nên làm mà không biết đúng như thật thì sẽ mất chánh niệm, không có chánh trí, không có cách nào giáo hóa đúng theo pháp của Sa-môn được'. Nói như vậy mới có thể dùng lý để khuất phục các Sa-môn, Phạm chí kia.

"Ở đây, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào thấy như vậy, nói như vậy: 'Tất cả hành vi của con người đều vô nhân vô duyên'. Ta liền đi đến chỗ người kia, đến rồi liền hỏi: 'Nay Hiền giả, có thật Hiền giả thấy như vậy, nói như vậy: Tất cả hành vi của con người đều vô nhân vô duyên? Người kia trả lời rằng: 'Thật vậy'. Ta lại nói với người kia rằng: 'Nếu quả thật như vậy, các Hiền giả đều là những kẻ sát sanh cả. Vì sao thế? Bởi vì tất cả đều vô nhân vô duyên. Cũng vậy, chư Hiền là những kẻ trộm cắp, tà dâm, nói láo cho đến tà kiến. Tại sao thế? Bởi vì tất cả đều vô nhân vô duyên. Nay chư Hiền, đối với kiến chấp rằng: Tất cả đều vô nhân vô duyên, mà cho là như thật, thì ở bên trong, nhân bên trong, những điều nên hay không nên làm, hoàn toàn không có ý dục, không có phương tiện. Nay chư Hiền, nếu đối với điều nên làm và không nên làm mà không biết đúng như thật thì sẽ mất chánh niệm, không có chánh trí, thì không có cách nào giáo hóa đúng theo pháp của Sa-môn được'. Nói như vậy mới có thể dùng lý để khuất phục các Sa-môn, Phạm chí kia.

"Những pháp mà ta tự mình biết, tự mình giác ngộ, thuyết giảng cho các người; dù là Sa-môn, Phạm chí, Thiên, Ma, Phạm và các loài thế gian khác đều không thể khuất phục được, không thể làm cho ô uế được, không thể chế phục được. Thế nào là những pháp mà ta tự mình biết, tự mình giác ngộ, thuyết giảng cho các người; dù là Sa-môn, Phạm chí, Thiên, Ma, Phạm và các loài thế gian khác đều không thể khuất phục được, không thể làm cho ô uế được, không thể chế phục? Đó là pháp sáu xứ mà ta tự mình biết, tự mình giác ngộ, thuyết giảng cho các người; dù là Sa-môn, Phạm chí, Thiên, Ma, Phạm và các loài thế gian khác đều không thể khuất phục được, không thể làm cho ô uế được, không thể chế phục.

“Lại có pháp sáu giới mà ta tự mình biết, tự mình giác ngộ, thuyết giảng cho các người; dù là Sa-môn, Phạm chí, Thiên, Ma, Phạm và các loài thế gian khác đều không thể khuất phục được, không thể làm cho ô uế được, không thể chế phục.

“Thế nào là pháp sáu xứ mà ta tự mình biết, tự mình giác ngộ, thuyết giảng cho các người? Đó là nhãn xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ. Đó là pháp sáu xứ ta đã tự tri, tự giác, ta nói cho các người biết.

“Thế nào là pháp sáu giới mà ta tự mình biết, tự mình giác ngộ, thuyết giảng cho các người? Đó là địa giới, thủy, hỏa, phong, không và thức giới. Đó là pháp sáu giới mà ta đã tự tri tự giác, đã nói cho các người biết.

“Do hòa hiệp của sáu giới nên sanh thai mẹ. Nhân sáu giới mà có sáu xứ; nhân sáu xứ có xúc, nhân xúc mà có thọ.

“Này các Tỳ-kheo, nếu ai có cảm thọ liên biết như thật về Khổ, biết về Khổ tập, biết về Khổ diệt, biết như thật về Khổ diệt đạo. Thế nào là biết như thật về khổ? Là sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, thù nghịch gặp nhau là khổ, yêu thương mà chia ly là khổ, mong muốn mà không được là khổ. Tóm lại, năm ấm xí thành là khổ.

“Thế nào là biết như thật về Khổ tập? Do Ái mà thọ Hữu trong tương lai cùng với lạc dục, mong cầu hữu nơi này hay nơi kia. Đó là biết như thật về Khổ tập.

“Thế nào là biết như thật về Khổ diệt? Do Ái này mà thọ Hữu trong tương lai cùng với lạc dục, mong cầu hữu nơi này hay nơi kia, tất cả như vậy đã đoạn trừ không còn dư tàn, đã xả ly, diệt tận, vô dục, tịch tĩnh, tịch diệt. Đó gọi là biết như thật về Khổ diệt.

“Thế nào là biết như thật về Khổ diệt đạo? Đó là tám chi thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định là tám. Đó là biết như thật về Khổ diệt đạo.

“Tỳ-kheo nên biết như thật về Khổ, nên đoạn Khổ tập, nên thực chứng Khổ diệt, nên tu Khổ diệt đạo. Nếu Tỳ-kheo nào biết như thật về Khổ, đoạn Khổ tập, thực chứng Khổ diệt, tu Khổ diệt đạo, thì đó là Tỳ-kheo đã tận trừ tất cả lậu, đã giải trừ các kết, có thể bằng chánh trí chứng đắc Khổ đế”.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

14. Kinh La Vân

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại thành Vương xá, trong rừng Trúc lâm, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ Tôn giả La-vân cũng ở tại thành Vương xá, trong rừng Ôn tuyên. Lúc đó, Đức Thế Tôn sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, khoác y, cầm bát, đi vào thành Vương xá để khất thực. Khất thực xong, Ngài đi đến rừng Ôn tuyên, trú xứ của Tôn giả La-vân. Tôn giả La-vân từ đằng xa thấy Đức Thế Tôn đến, lập tức đến rước, cầm y bát của Phật, trải tọa cụ và múc nước rửa chân. Đức Phật rửa chân xong, ngồi trên chỗ ngồi của La-vân.

Khi đó Đức Thế Tôn liền lấy chậu nước đổ đi, chỉ lưu lại một ít, rồi hỏi:

“La-vân, người nay có thấy Ta cầm chậu nước này đổ đi, chỉ lưu lại một ít không?”

La-vân đáp:

“Bạch Thế Tôn, con có thấy”.

Phật bảo:

“Ta nói đạo của người kia cũng ít như vậy, nghĩa là đã biết rồi còn nói dối mà không xấu hổ, không ăn năn, không tàm không quý. Nay La-vân, người kia cũng không có điều ác nào là không làm. Do đó, nay La-vân nên học như thế này, không đùa giỡn và nói dối”.

Đức Thế Tôn lại lấy cái chậu còn lại một ít nước đổ hết ra rồi hỏi rằng:

“Này La-vân, người lại có thấy Ta cầm cái chậu còn một ít nước ấy đổ ra hết không?”

La-vân trả lời rằng:

“Con có thấy, bạch Thế Tôn”.

Phật bảo rằng:

“Này La-vân, Ta nói rằng đạo của người kia cũng mất hết như vậy. Nghĩa là đã biết rồi còn nói dối, mà không xấu hổ, không ăn năn, không tàm, không quý. Này La-vân, người ấy cũng không có việc ác nào mà không làm. Do đấy, này La-vân nên học như thế này: Không được đùa giỡn và nói dối”.

Đức Thế Tôn lại cầm chậu trống không ấy úp xuống đất rồi hỏi rằng:

“Này La-vân, người lại có thấy Ta cầm chậu không này úp xuống đất không?”

La-vân trả lời:

“Con có thấy, bạch Thế Tôn”.

Phật bảo rằng:

“Này La-vân, Ta nói rằng đạo của người kia cũng bị lật úp như vậy, nghĩa là đã biết rồi còn nói dối mà không biết xấu hổ, không ăn năn, không tàm, không quý. Này La-vân, người ấy cũng không có việc ác nào mà không làm. Do đó, này La-vân nên học như thế này, không được đùa giỡn và nói dối”.

Đức Thế Tôn lại cầm chậu úp lật ngửa lên rồi hỏi rằng:

“Này La-vân, người có thấy Ta cầm cái chậu úp này giở ngửa lên không?”

La-vân trả lời rằng:

“Con có thấy, bạch Thế Tôn!”

Đức Phật bảo La-vân rằng:

“Ta nói rằng đạo của người kia bị lật ngửa, cũng lại như vậy. Nghĩa là đã biết rồi còn nói dối mà vẫn không xấu hổ, không ăn năn, không tàm, không quý. Này La-vân, người ấy cũng không có việc ác nào mà không làm. Do đó này La-vân, nên học như thế này: Không được đùa giỡn và nói dối.

“Này La-vân, cũng như nhà vua có thớt voi lớn, khi xông vào trận chiến đấu thì dùng chân trước, chân sau, đuôi, bộ chân, xương sống, hông, đầu, trán, tai, ngà, tất cả đều dùng, chỉ giữ gìn chiếc vòi. Tượng sư thấy vậy, rồi suy nghĩ như thế này: ‘Thớt voi lớn này của nhà vua vẫn còn tiếc mạng sống. Vì sao thế? Vì thớt voi lớn của nhà vua này khi xông vào trận giặc chiến đấu, thì dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, xương sống,

hông, đầu, trán, tai, ngà, tất cả đều dùng, chỉ gìn giữ chiếc vôi'. Này La-vân, nếu thốt voi lớn của nhà vua khi xông vào trận giặc chiến đấu dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, xương sống, hông, đầu, trán, tai, vôi đều dùng tất cả. Tượng sự thấy vậy rồi liền suy nghĩ như thế này: 'Thốt voi lớn của nhà vua này không còn tiếc mạng sống nữa. Vì sao thế? Thốt voi lớn của nhà vua này khi xông vào trận giặc chiến đấu, dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, hông, đầu, ngà, vôi, tất cả đều đem dùng'. Này La-vân, nếu thốt voi lớn khi xông vào trận giặc chiến đấu mà dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, xương sống, hông, đầu, ngà, vôi, tất cả đều đem dùng. Này La-vân, Ta nói thốt voi lớn của nhà vua khi xông vào trận giặc, chiến đấu, không có việc dữ nào mà không làm, không ăn năn, không tàm, không quý. Này La-vân, Ta nói rằng: Người kia cũng không có việc ác nào mà không làm. Do đó, này La-vân, nên học như thế này: Không được đùa giỡn và nói dối".

Rồi thì Đức Thế Tôn nói bài tụng rằng:

Kẻ nào phạm một pháp, Pháp đó là nói dối: Nó không sợ đời sau; Không chữa sự dữ nào. Thà nuốt viên sắt cháy, Nó nóng như lửa đỏ; Chứ không nên phạm giới Mà nhận đời cúng thí. Nếu biết sợ khổ sở, Không thích nghĩ tưởng đến; Chỗ sáng, hay kín đáo Chớ tạo tác nghiệp ác. Nếu tạo nghiệp bất thiện, Đã làm, nay đang làm, Trọn không giải thoát được Cũng không có chỗ tránh.

Đức Phật nói bài tụng rồi, lại hỏi rằng:

"Này La-vân, người nghĩ thế nào, người ta dùng gương để làm gì?"

La-vân trả lời rằng:

"Bạch Thế Tôn, để nhìn xem khuôn mặt sạch hay không sạch".

"Cũng vậy, này La-vân, nếu người sắp hành động với thân nghiệp thì hãy quán sát thân nghiệp ấy rằng: 'Ta sắp làm thân nghiệp; thân nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh? Vì mình mà làm hay vì người khác?' Này La-vân, nếu khi quán sát như vậy, mà biết rằng: 'Ta sắp làm thân nghiệp, vì mình mà làm hay vì người khác. Đó là thân nghiệp bất thiện, nó sẽ đưa đến khổ quả và phải thọ lấy khổ báo'. Này La-vân, người nên bỏ thân nghiệp bất thiện sắp được làm ấy đi. Này La-vân, nếu khi quán sát như vậy mà biết rằng: 'Ta sắp làm thân nghiệp, vì mình mà làm hay vì người khác.

Đó là thân nghiệp thiện, nó sẽ đưa đến lạc quả và sẽ thọ lấy lạc báo'. Nay La-vân, người hãy thực hiện thân nghiệp sẽ làm ấy.

"Này La-vân, người hiện đang hành động với thân nghiệp, hãy quán sát thân nghiệp ấy rằng: 'Ta đang làm thân nghiệp; thân nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh? Vì mình làm hay vì người khác?' Nay La-vân, khi quán sát như vậy mà biết rằng: 'Ta đang làm thân nghiệp; thân nghiệp này tịnh, vì mình làm hay vì người khác. Đó là thân nghiệp bất thiện sẽ đưa đến khổ quả và thọ lấy khổ báo'. Nay La-vân, người nên bỏ thân nghiệp đang làm ấy đi. Nay La-vân, nếu khi quán sát như vậy, mà biết rằng: 'Ta đang làm thân nghiệp; thân nghiệp ấy bất tịnh, vì mình làm hay vì người khác. Nghiệp ấy thiện, sẽ đưa đến lạc quả và thọ lấy lạc báo'. Nay La-vân, người hãy nên thực hiện thân nghiệp đang làm ấy.

"Này La-vân, nếu người đã hành động với thân nghiệp, hãy quán sát thân nghiệp ấy rằng: 'Ta đã làm thân nghiệp; thân nghiệp ấy đã quá khứ, đã diệt tận, đã biến dịch. Nó là tịnh hay bất tịnh? Vì mình hay vì người khác?' Nay La-vân, nếu khi quán sát như vậy mà biết rằng: 'Ta đã làm thân nghiệp; thân nghiệp ấy đã quá khứ, diệt tận, biến dịch, thân nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh, vì mình làm hay vì người khác. Nghiệp ấy là bất thiện, sẽ đưa đến khổ quả và phải thọ lấy khổ báo'. Nay La-vân, người hãy đến nơi người phạm hạnh, thiện tri thức, chí tâm phát lộ thân nghiệp đã tạo ra, xin ăn năn lỗi lầm, cẩn thận không giấu giếm, rồi phải khéo léo giữ gìn.

"Này La-vân, nếu khi quán sát như vậy, mà rằng: 'Ta đã làm thân nghiệp. Thân nghiệp ấy đã quá khứ, diệt tận, biến dịch, thân nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh, vì mình làm hay vì người khác. Nghiệp ấy thiện, sẽ đưa đến lạc quả và thọ lấy lạc báo'. Nay La-vân, người nên ngày đêm vui mừng, an trụ chánh niệm, chánh trí.

"Với khẩu nghiệp cũng lại như vậy.

"Này La-vân, nếu nhân việc làm trong quá khứ nên đã sanh ý nghiệp, hãy quán sát ý nghiệp ấy rằng: 'Nếu nhân việc làm trong quá khứ đã sanh ý nghiệp, ý nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh, là vì mình làm hay vì người khác?' Nay La-vân, nếu khi quán như vậy, mà biết nhân việc làm trong quá khứ mà sanh ra ý nghiệp; ý nghiệp đã quá khứ, diệt tận, biến dịch. Ý nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh, tự mình làm hay vì người khác. Nếu ý nghiệp ấy là bất thiện

sẽ đưa đến khổ quả và phải thọ lấy khổ báo. Nay La-vân, người nên bỏ ý nghiệp trong quá khứ ấy đi. Nay La-vân, nếu khi quán như vậy, mà rằng nhân việc làm trong quá khứ mà đã sanh ra ý nghiệp; ý nghiệp ấy đã quá khứ, diệt tận, biến dịch; ý nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh, vì mình hay vì người khác. Nếu ý nghiệp ấy là thiện sẽ đưa đến lạc quả và thọ lấy lạc báo. Nay La-vân, người đến thọ nhận ý nghiệp quá khứ ấy.

“Nay La-vân, nhân việc làm trong vị lai nên sẽ sanh khởi ý nghiệp, hãy quán sát ý nghiệp ấy rằng: ‘Nếu nhân việc làm trong vị lai sẽ sanh ý nghiệp; ý nghiệp ấy là tịnh hay bất tịnh, tự mình làm hay vì người khác?’ Nay La-vân, nếu khi quán như vậy, mà biết rằng ‘Nhân việc làm trong vị lai mà sẽ sinh ý nghiệp; ý nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh, vì mình làm hay vì người khác. Nếu ý nghiệp ấy là bất thiện sẽ đưa đến khổ quả và phải thọ lấy khổ báo’. Nay La-vân, người nên xả bỏ ý nghiệp trong vị lai đó đi. Nay La-vân, nếu khi quán sát như vậy, liền biết rằng: ‘Nhân việc làm trong vị lai mà sanh ý nghiệp; ý nghiệp đó tịnh hay bất tịnh, vì mình làm hay vì người khác. Nếu ý nghiệp ấy là thiện, sẽ đưa đến lạc quả và thọ lấy lạc báo. Nay La-vân, người nên nhận lãnh ý nghiệp trong vị lai ấy.

“Nay La-vân, cũng như nhà vua có thốt voi lớn, khi xông vào trận chiến đấu thì dùng chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, xương sống, hông, đầu, trán, tai, ngà, tất cả đều dùng, chỉ giữ gìn chiếc vòi. Tượng sư thấy vậy, rồi suy nghĩ như thế này: ‘Thốt voi lớn này của nhà vua vẫn còn tiếc mạng sống. Vì sao thế? Vì thốt voi lớn của nhà vua này khi xông vào trận giặc chiến đấu, thì dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, xương sống, hông, đầu, trán, tai, ngà, tất cả đều dùng, chỉ giữ gìn chiếc vòi’. Nay La-vân, nếu thốt voi lớn của nhà vua khi xông vào trận giặc chiến đấu dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, xương sống, hông, đầu, trán, tai, vòi đều dùng tất cả. Tượng sư thấy vậy rồi liền suy nghĩ như thế này: ‘Thốt voi lớn của nhà vua này không còn tiếc mạng sống nữa. Vì sao thế? Thốt voi lớn của nhà vua này khi xông vào trận giặc chiến đấu, dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, hông, đầu, ngà, vòi, tất cả đều đem dùng’. Nay La-vân, nếu thốt voi lớn khi xông vào trận giặc chiến đấu mà dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, xương sống, hông, đầu, ngà, vòi, tất cả đều đem dùng. Nay La-vân, Ta nói thốt voi lớn của nhà vua khi xông vào trận giặc, chiến đấu, không có việc

dữ nào mà không làm, không ăn năn, không tàm, không quý. Nay La-vân, Ta nói rằng: Người kia cũng không có việc ác nào mà không làm. Do đó, này La-vân, nên học như thế này: Không được đùa giỡn và nói dối”.

Rồi thì Đức Thế Tôn nói bài tụng rằng:

***Kẻ nào phạm một pháp,
Pháp đó là nói dối:
Nó không sợ đời sau;
Không chữa sự dữ nào.
Thà nuốt viên sắt cháy,
Nó nóng như lửa đỏ;
Chứ không nên phạm giới
Mà nhận đời cúng thí.
Nếu biết sợ khổ sở,
Không thích nghĩ tưởng đến;
Chỗ sáng, hay kín đáo
Chớ tạo tác nghiệp ác.
Nếu tạo nghiệp bất thiện,
Đã làm, nay đang làm,
Trọn không giải thoát được
Cũng không có chỗ tránh.***

Đức Phật nói bài tụng rồi, lại hỏi rằng:

“Này La-vân, người nghĩ thế nào, người ta dùng gương để làm gì?”

La-vân trả lời rằng:

“Bạch Thế Tôn, để nhìn xem khuôn mặt sạch hay không sạch”.

“Cũng vậy, này La-vân, nếu người sắp hành động với thân nghiệp thì hãy quán sát thân nghiệp ấy rằng: ‘Ta sắp làm thân nghiệp; thân nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh? Vì mình mà làm hay vì người khác?’ Này La-vân, nếu khi quán sát như vậy, mà biết rằng: ‘Ta sắp làm thân nghiệp, vì mình mà làm hay vì người khác. Đó là thân nghiệp bất thiện, nó sẽ đưa đến khổ quả và phải thọ lấy

khổ báo'. Nay La-vân, người nên bỏ thân nghiệp bất thiện sắp được làm ấy đi. Nay La-vân, nếu khi quán sát như vậy mà biết rằng: 'Ta sắp làm thân nghiệp, vì mình mà làm hay vì người khác. Đó là thân nghiệp thiện, nó sẽ đưa đến lạc quả và sẽ thọ lấy lạc báo'. Nay La-vân, người hãy thực hiện thân nghiệp sẽ làm ấy.

"Nay La-vân, người hiện đang hành động với thân nghiệp, hãy quán sát thân nghiệp ấy rằng: 'Ta đang làm thân nghiệp; thân nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh? Vì mình làm hay vì người khác?' Nay La-vân, khi quán sát như vậy mà biết rằng: 'Ta đang làm thân nghiệp; thân nghiệp này tịnh, vì mình làm hay vì người khác. Đó là thân nghiệp bất thiện sẽ đưa đến khổ quả và thọ lấy khổ báo'. Nay La-vân, người nên bỏ thân nghiệp đang làm ấy đi. Nay La-vân, nếu khi quán sát như vậy, mà biết rằng: 'Ta đang làm thân nghiệp; thân nghiệp ấy bất tịnh, vì mình làm hay vì người khác. Nghiệp ấy thiện, sẽ đưa đến lạc quả và thọ lấy lạc báo'. Nay La-vân, người hãy nên thực hiện thân nghiệp đang làm ấy.

"Nay La-vân, nếu người đã hành động với thân nghiệp, hãy quán sát thân nghiệp ấy rằng: 'Ta đã làm thân nghiệp; thân nghiệp ấy đã quá khứ, đã diệt tận, đã biến dịch. Nó là tịnh hay bất tịnh? Vì mình hay vì người khác?' Nay La-vân, nếu khi quán sát như vậy mà biết rằng: 'Ta đã làm thân nghiệp; thân nghiệp ấy đã quá khứ, diệt tận, biến dịch, thân nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh, vì mình làm hay vì người khác. Nghiệp ấy là bất thiện, sẽ đưa đến khổ quả và phải thọ lấy khổ báo'. Nay La-vân, người hãy đến nơi người phạm hạnh, thiện tri thức, chí tâm phát lộ thân nghiệp đã tạo ra, xin ăn năn lỗi lầm, cẩn thận không giấu giếm, rồi phải khéo léo giữ gìn.

"Nay La-vân, nếu khi quán sát như vậy, mà rằng: 'Ta đã làm thân nghiệp. Thân nghiệp ấy đã quá khứ, diệt tận, biến dịch, thân nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh, vì mình làm hay vì người khác. Nghiệp ấy thiện, sẽ đưa đến lạc quả và thọ lấy lạc báo'. Nay La-vân, người nên ngày đêm vui mừng, an trụ chánh niệm, chánh trí.

"Với khẩu nghiệp cũng lại như vậy.

"Nay La-vân, nếu nhân việc làm trong quá khứ nên đã sanh ý nghiệp, hãy quán sát ý nghiệp ấy rằng: 'Nếu nhân việc làm trong quá khứ đã sanh ý nghiệp, ý nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh, là vì mình làm hay vì người khác?' Nay La-vân, nếu khi quán như

vậy, mà biết nhân việc làm trong quá khứ mà sanh ra ý nghiệp; ý nghiệp đã quá khứ, diệt tận, biến dịch. Ý nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh, tự mình làm hay vì người khác. Nếu ý nghiệp ấy là bất thiện sẽ đưa đến khổ quả và phải thọ lấy khổ báo. Nay La-vân, người nên bỏ ý nghiệp trong quá khứ ấy đi. Nay La-vân, nếu khi quán như vậy, mà rằng nhân việc làm trong quá khứ mà đã sanh ra ý nghiệp; ý nghiệp ấy đã quá khứ, diệt tận, biến dịch; ý nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh, vì mình làm hay vì người khác. Nếu ý nghiệp ấy là thiện sẽ đưa đến lạc quả và thọ lấy lạc báo. Nay La-vân, người đến thọ nhận ý nghiệp quá khứ ấy.

“Này La-vân, nhân việc làm trong vị lai nên sẽ sanh khởi ý nghiệp, hãy quán sát ý nghiệp ấy rằng: ‘Nếu nhân việc làm trong vị lai sẽ sanh ý nghiệp; ý nghiệp ấy là tịnh hay bất tịnh, tự mình làm hay vì người khác?’ Nay La-vân, nếu khi quán như vậy, mà biết rằng ‘Nhân việc làm trong vị lai mà sẽ sinh ý nghiệp; ý nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh, vì mình làm hay vì người khác. Nếu ý nghiệp ấy là bất thiện sẽ đưa đến khổ quả và phải thọ lấy khổ báo’. Nay La-vân, người nên xả bỏ ý nghiệp trong vị lai đó đi. Nay La-vân, nếu khi quán sát như vậy, liền biết rằng: ‘Nhân việc làm trong vị lai mà sanh ý nghiệp; ý nghiệp đó tịnh hay bất tịnh, vì mình làm hay vì người khác. Nếu ý nghiệp ấy là thiện, sẽ đưa đến lạc quả và thọ lấy lạc báo. Nay La-vân, người nên nhận lãnh ý nghiệp trong vị lai ấy.

“Này La-vân, nhân việc làm trong hiện tại nên đang sanh khởi ý nghiệp, hãy nên quán sát ý nghiệp ấy rằng: ‘Nếu nhân việc đang làm trong hiện tại nên sanh khởi ý nghiệp, ý nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh, vì mình làm hay vì người khác?’ Nay La-vân, nếu khi quán sát như vậy, mà biết rằng: ‘Nhân việc đang làm trong hiện tại nên đang sanh khởi ý nghiệp; ý nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh, vì mình làm hay vì người khác. Nếu nghiệp ấy là bất thiện, sẽ đưa đến khổ quả và sẽ thọ lấy khổ báo’. Nay La-vân, người nên xả bỏ ý nghiệp trong hiện tại ấy đi. Nay La-vân, nếu khi quán sát như vậy, mà biết rằng: ‘Nhân có việc đang làm trong hiện tại nên đang sanh khởi ý nghiệp; ý nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh, vì mình làm hay vì người khác. Nếu ý nghiệp ấy là thiện sẽ đưa đến lạc quả và thọ lấy lạc báo’. Nay La-vân, người nên nhận lãnh ý nghiệp hiện tại ấy.

“Này La-vân, nếu trong quá khứ đã có những vị Sa-môn, Phạm chí tạo nghiệp thân, khẩu, ý; đã quán sát rồi, lại quán sát

nữa; đã thanh tịnh, lại thanh tịnh nữa. Tất cả những vị ấy, ngay nơi nghiệp thân, khẩu, ý của mình, quán rồi lại quán nữa, đã tịnh rồi lại tịnh hơn nữa.

Này La-vân, nếu trong vị lai sẽ có những vị Sa-môn, Phạm chí tạo nghiệp thân, khẩu, ý, sẽ quán rồi lại quán nữa, sẽ thanh tịnh rồi lại thanh tịnh hơn. Tất cả những vị ấy ngay nơi thân nghiệp, khẩu, ý nghiệp của mình, quán rồi lại quán nữa, sẽ thanh tịnh rồi lại thanh tịnh hơn.

“Này La-vân, nếu trong hiện tại có những Sa-môn, Phạm chí tạo nghiệp thân, khẩu, ý; đang quán rồi lại quán nữa, đang thanh tịnh rồi lại thanh tịnh hơn. Tất cả những vị ấy ngay nơi nghiệp thân, khẩu, ý của mình, đang quán rồi lại quán nữa, đang thanh tịnh rồi lại thanh tịnh hơn.

“Này La-vân, người nên học như thế. Chính Ta cũng ngay nơi nghiệp thân, khẩu, ý của Ta, đang quán rồi lại sẽ quán, đang thanh tịnh rồi lại thanh tịnh hơn”.

Rồi thì, Đức Thế Tôn lại nói bài tụng rằng:

Thân nghiệp và khẩu nghiệp,

Ý nghiệp, này La-vân!

Pháp thiện hay bất thiện;

Người hãy thường quán sát.

Đã biết còn nói dối,

Này La-vân đừng nói.

Tai hại do nói dối,

Sao lại dám nói dối?

Pháp Sa-môn bị úp,

Trống không, không chơn thật;

Đó chính là nói dối,

Không giữ gìn miệng mình.

Cho nên không nói dối,

Là con bậc Chánh giác.

Đó là pháp Sa-môn,

La-vân hãy nên học.

*Nơi nơi vui sung túc,
An ổn, không sợ hãi,
La-vân muốn đến đó,
Đừng làm hại người khác.*

Phật thuyết như vậy. Tôn giả La-vân và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

15. Kinh Tư

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng.

“Nếu kẻ nào cố ý tạo nghiệp, Ta nói rằng kẻ ấy phải thọ lấy quả báo. Hoặc thọ ngay trong đời hiện tại, hoặc thọ vào đời sau. Nếu tạo nghiệp mà không cố ý, Ta nói rằng người ấy không nhất thiết phải thọ quả báo.

“Ở đây, thân cố ý tạo ba nghiệp bất thiện, đưa đến khổ quả, thọ khổ quả. Miệng có bốn nghiệp, ý có ba nghiệp bất thiện, đưa đến khổ báo, thọ khổ quả.

“Những gì là ba nghiệp do thân cố ý tạo bất thiện, đưa đến khổ quả, phải thọ khổ báo? Một là sát sanh, quá hung dữ, uống máu, cứ muốn sát hại, không thương xót chúng sanh, cho đến loài côn trùng. Hai là lấy của không được cho, đắm trước tài vật của kẻ khác, chiếm lấy với ý muốn trộm cắp. Ba là tà dâm; người kia chính mình xâm phạm tới người nữ có cha giữ gìn, hoặc có mẹ giữ gìn, hoặc được cả cha và mẹ giữ gìn, hoặc được chị em giữ gìn, hoặc được anh em giữ gìn, hoặc được cha mẹ vợ giữ gìn, hoặc được người thân thuộc giữ gìn, hoặc được người cùng dòng họ giữ gìn; hoặc được bảo vệ bằng đe dọa hình phạt hay roi vọt, hoặc đã được thuê, hoặc đã được hứa hôn, cho đến chỉ mới nhận tràng hoa làm tin. Đó là ba nghiệp do thân cố ý tạo bất thiện, đưa đến khổ quả, thọ lấy khổ báo.

“Những gì là bốn nghiệp do miệng cố ý tạo bất thiện, đưa đến khổ quả, thọ lấy khổ báo? Một là nói dối; người kia hoặc ở giữa đám đông, hoặc trong quyền thuộc, hoặc ở tại vương gia, nếu có ai kêu mà hỏi rằng: ‘Người có biết thì nói’. Nhưng nó không biết

mà nói là biết, biết nói là không biết; không thấy nói là thấy, thấy nói không thấy. Vì mình, vì người, hoặc vì của cải, biết rồi mà lại nói dối. Hai là nói hai lưỡi; muốn ly gián người khác nên nghe nơi người này đem nói với người kia vì muốn phá hoại người này. Nghe nơi người kia đem nói với này vì muốn phá hoại người kia. Những kẻ hợp nhau muốn tạo ly tán; những kẻ đã ly tán lại muốn cho xa rời để kết bè đảng, vui thích bè đảng, khen ngợi bè đảng. Ba là nói thô ác; người ấy nếu có nói năng gì thì lời lẽ thô tục, hung bạo, tiếng dữ trái tai, không ai mến nổi, làm cho người khác phải khổ não, khiến cho không được định tâm. Bốn là nói lời thêu dệt; người ấy nói không đúng lúc, nói không thành thật, nói lời không đúng nghĩa, nói lời không đúng pháp, nói không tịch tĩnh, lại còn khen ngợi sự không tịch tĩnh, trái ngược thời gian mà lại không khéo dạy dỗ, không khéo la mắng. Đó là bốn nghiệp do miệng cố ý tạo, bất thiện, đưa đến khổ quả, thọ lấy khổ báo.

“Những gì ba nghiệp của ý cố ý tạo bất thiện, đưa đến khổ quả, thọ lấy khổ báo? Một, tham lam; thấy tài vật và các tư cụ sinh sống của người khác thường tham lam ước muốn sao cho được về của mình. Hai là sân nhuế; trong ý ôm ấp oán ghét, nghĩ rằng: chúng sanh kia đáng giết, đáng trói, đáng bắt, đáng loại bỏ, đáng đuổi đi, mong cho kẻ kia thọ khổ vô lượng. Ba là tà kiến; sở kiến điên đảo, thấy như vậy, nói như vậy: ‘Không có bổ thí, không có trai phước, không có chú thuyết, không có nghiệp thiện ác, không có nghiệp báo thiện ác, không có đời này, đời sau; không có cha mẹ, trên đời không có bậc chân nhân đi đến chỗ chí thiện, khéo vượt qua, khéo hướng đến, ở đời này và đời sau mà tự chứng tri, tự giác ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu và an trú. Đó là ba nghiệp do ý cố ý tạo bất thiện, đưa đến khổ quả, thọ ấy khổ báo.

“Đa văn Thánh đệ tử xả bỏ nghiệp bất thiện của thân, tu thân thiện nghiệp, xả bỏ nghiệp bất thiện của miệng và ý, tu thiện nghiệp miệng và ý. Đa văn Thánh đệ tử đầy đủ giới đức tinh tấn như vậy, thành tựu tịnh nghiệp nơi thân, thành tựu tịnh nghiệp nơi miệng và ý, lìa sân nhuế, lìa não hại, từ bỏ ngủ nghỉ, không trạo cử và cống cao, đoạn nghi, vượt kiêu mạn, chánh niệm, chánh trí, không còn ngu si, tâm vị ấy đi đôi với từ, biến mãn một phương thành tựu và an trú. Cũng vậy, với hai, ba, bốn phương và tứ duy, thượng, hạ, biến mãn, tâm đi đôi với từ, không thù không oán, không sân nhuế, không não hại, quảng đại vô biên vô

lượng, khéo tu tập biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Người kia suy nghĩ rằng: 'Tâm ta xưa kia vốn nhỏ hẹp, không khéo tu. Tâm ta nay đây khéo tu, quảng đại vô lượng'. Đa văn Thánh đệ tử đối với tâm vô lượng, khéo tu tập như vậy, nếu trước kia nhân có ác tri thức, vì đã phóng dật mà tạo nghiệp bất thiện, nay những thứ ấy không thể lôi kéo, không thể làm ô uế, không còn đi theo nữa. Giả sử có một trẻ thơ hoặc trai hay gái được sanh ra, liền có thể tu hành từ tâm giải thoát, về sau thân, miệng và ý có còn tạo những nghiệp bất thiện nữa chăng?"

Các Tỳ-kheo thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, không thể".

"Vì sao vậy? Tự mình không làm nghiệp ác thì nghiệp ác ấy do đâu mà sanh? Do đó, người tại gia hay xuất gia, nam hay nữ, thường phải siêng tu từ tâm giải thoát. Nếu người tại gia hay xuất gia, nam hay nữ ấy, tu từ tâm giải thoát, thì không còn mang thân này đi đến đời sau mà chỉ theo tâm đi khỏi cõi này. Tỳ-kheo nên nghĩ như vậy: 'Ta vốn vì buông lung mà tạo nghiệp bất thiện. Tất cả nghiệp ấy có thể thọ báo trong đời này, chớ không thể đi đến đời sau nữa'. Nếu có người thực hành từ tâm giải thoát rộng lớn vô lượng, khéo tu tập như vậy, chắc chắn chứng quả A-na-hàm, hoặc chứng cao hơn nữa.

"Cũng vậy, tâm bi và hỷ; tâm câu hữu với xả, không kết, không oán, không sân nhuế, không não hại, quảng đại vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Người ấy suy nghĩ như vậy: 'Tâm ta trước vốn nhỏ hẹp, không khéo tu tập. Tâm ta nay đây rộng lớn vô lượng, được khéo tu tập'. Đa văn Thánh đệ tử đối với tâm vô lượng, khéo tu tập như vậy, nếu trước kia nhân có ác tri thức, vì đã phóng dật mà tạo nghiệp bất thiện, nay những thứ ấy không thể lôi kéo, không thể làm ô uế, không còn đi theo nữa. Giả sử có một trẻ thơ hoặc trai hay gái được sanh ra, liền có thể tu hành xả tâm giải thoát, về sau thân, miệng và ý có còn tạo những nghiệp bất thiện nữa chăng?"

Các Tỳ-kheo thưa rằng:

"Bạch Thế Tôn, không thể".

"Vì sao vậy? Tự mình không làm nghiệp ác thì nghiệp ác ấy do đâu mà sanh? Do đó, người tại gia hay xuất gia, nam hay nữ, thường phải siêng tu xả tâm giải thoát. Nếu người tại gia hay

xuất gia, nam hay nữ ấy, tu xả tâm giải thoát, thì không còn mang thân này đi đến đời sau mà chỉ theo tâm đi khỏi cõi này. Tỳ-kheo nên nghĩ như vậy: 'Ta vốn vì buông lung mà tạo nghiệp bất thiện. Tất cả nghiệp ấy có thể thọ báo trong đời này, chớ không thể đi đến đời sau nữa'. Nếu có người thực hành xả tâm giải thoát rộng lớn vô lượng, khéo tu tập như vậy, chắc chắn chứng quả A-na-hàm, hoặc chứng cao hơn nữa".

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

16. Kinh Già Lam

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại Già-lam viên, cùng đại chúng Tỳ-kheo, đến Ki-xá tử, trụ trong vườn Thi-nhiếp-hòa, phía Bắc thôn Ki-xá tử.

Bấy giờ những người Già-lam ở Ki-xá tử nghe đồn Sa-môn Cù-đàm thuộc dòng họ Thích, đã từ bỏ dòng họ Thích, xuất gia học đạo, đang du hóa tại Già-lam viên cùng chúng Đại Tỳ-kheo đến Ki-xá tử này, trụ trong rừng Thi-nhiếp-hòa ở phía Bắc thôn Ki-xá tử. Vị Sa-môn Cù-đàm ấy có tiếng tăm lớn, truyền khắp mười phương rằng: 'Sa-môn Cù-đàm là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu. Vị ấy ở trong thế gian này giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ loài người cho đến loài trời, tự tri tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trụ. Pháp mà vị ấy thuyết, khoảng đâu thiện, khoảng giữa thiện, cứu cánh cũng thiện, có nghĩa, có văn, hiển hiện phạm hạnh thanh tịnh trọn đủ'. Nếu gặp được Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác để tôn trọng, lễ bái cúng dường, thừa sự, thì sẽ được nhiều thiện lợi. Chúng ta hãy cùng nhau đến gặp Sa-môn Cù-đàm để lễ bái, cúng dường".

Những người Già-lam ở Ki-xá tử, nghe như vậy rồi, mỗi người cùng với quyến thuộc của mình kéo nhau ra khỏi Ki-xá tử, đi về phía Bắc, tới rừng Thi-nhiếp-hòa, họ muốn gặp Đức Thế Tôn để lễ bái cúng dường.

Đi đến chỗ Phật ngự, những người Già-lam ấy hoặc có người lễ bái cúi đầu dưới chân Phật rồi ngồi sang một bên, hoặc có

người chào hỏi Đức Phật rồi ngồi sang một bên, hoặc có người chấp tay hướng đến Phật rồi ngồi sang một bên, hoặc có người từ đằng xa thấy Đức Phật rồi im lặng ngồi xuống.

Lúc đó, những người Già-lam đều ngồi yên. Đức Phật thuyết pháp cho họ, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát, khát ngưỡng thành tựu hoan hỷ, Ngài ngồi im lặng.

Bấy giờ những người Già-lam sau khi được Đức Phật thuyết pháp, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, họ đều từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo trịch vai bên hữu, chấp tay đến hướng Đức Phật, rồi bạch Đức Thế Tôn rằng:

“Thưa Cù-đàm, có một vị Sa-môn, Phạm chí đi đến Già-lam chỉ tự khen ngợi tri kiến của mình mà chê bai tri kiến của người khác. Thưa Cù-đàm, lại có một vị Sa-môn, Phạm chí đi đến Già-lam cũng chỉ tự khen ngợi tri kiến của mình mà chê bai tri kiến của kẻ khác. Thưa Cù-đàm, chúng tôi nghe vậy liền sanh ngờ vực: Những vị Sa-môn, Phạm chí ấy, vị nào thật? Vị nào hư?”

Đức Thế Tôn nói rằng:

“Này các người Già-lam, các người chớ sanh lòng ngờ vực. Vì sao vậy? Vì nhân có ngờ vực liền sanh ra do dự. Này các người Già-lam, các người tự mình không có tịnh trí để biết có đời sau hay không có đời sau. Này các người Già-lam, các người cũng không có tịnh trí để biết điều đã làm có tội hay không có tội. Này các người Già-lam, nên biết các nghiệp vốn sẵn có ba tập nhân. Những gì là ba? Này các người Già-lam, tham là tập nhân sẵn có của các nghiệp. Này các người Già-lam, nhuế và si là tập nhân sẵn có của các nghiệp.

“Này các người Già-lam, người có tham bị tham che lấp, tâm không nhàm đủ, hoặc sát sanh, hoặc lấy của không cho, hoặc hành tà dâm, hoặc biết mà nói dối, hoặc lại uống rượu. Này các người Già-lam, người có nhuế bị nhuế che lấp, tâm không nhàm đủ, hoặc sát sanh, hoặc lấy của không cho, hoặc hành tà dâm, hoặc biết mà nói dối, hoặc lại uống rượu. Này các người Già-lam, người có si bị si che lấp, tâm không nhàm đủ, hoặc sát sanh, hoặc lấy của không cho, hoặc hành tà dâm, hoặc biết mà nói dối, hoặc lại uống rượu.

“Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa việc giết hại, dứt bỏ sự giết hại, dẹp bỏ dao gậy; có tâm, có quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả, cho đến côn trùng. Vị ấy đối với sự sát sanh, tâm đã trừ sạch.

“Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa việc lấy của không cho, đoạn trừ việc lấy của không cho; vui thích trong việc lấy của đã cho, thường ưa sự bố thí, vui vẻ không keo kiệt, không mong người kia đền trả. Vị ấy đối với việc lấy của không cho, tâm đã trừ sạch.

“Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa việc phi phạm hạnh, đoạn trừ việc phi phạm hạnh; siêng tu phạm hạnh, siêng tu diệu hạnh, thanh tịnh, không uế, ly dục, đoạn dâm. Vị ấy đối với việc phi phạm hạnh, tâm đã trừ sạch.

“Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa việc nói dối, đoạn trừ sự nói dối; nói lời chân thật, ưa thích sự chân thật, an trụ nơi chân thật không di động, tất cả những điều vị ấy nói đều đáng tin, không lừa gạt thế gian. Vị ấy đối với việc nói dối, tâm đã trừ sạch.

“Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa sự nói hai lưỡi, đoạn trừ việc nói hai lưỡi, không phá hoại kẻ khác, không nghe nơi người này nói lại người kia muốn phá hoại người này, không nghe nơi người kia nói lại với người này muốn phá hoại người kia; những người xa lìa nhau thì muốn kết hợp lại, thấy người kết hợp lại thì vui vẻ, không kết bè đảng, không khen việc kết bè đảng. Vị ấy đối với việc nói hai lưỡi, tâm đã trừ sạch.

“Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa việc nói thô ác, đoạn trừ việc nói thô ác. Nếu có những lời mà từ khí thô bạo, âm thanh hung dữ trái tai, mọi người không vui, mọi người không ưa, làm cho người khác khổ não, làm cho họ không được an ổn, vị ấy đoạn trừ những lời nói như vậy. Nếu có những lời hòa nhã dịu dàng, xuôi tai, đi sâu vào lòng người, đáng thích, đáng yêu, làm cho người kia an lạc, âm thanh vừa đủ rõ ràng, không làm cho người kia sợ sệt, làm cho người kia được an ổn, vị ấy nói những lời như vậy. Vị ấy đối với việc nói lời thô ác, tâm đã tịnh trừ.

“Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa lời nói thêu dệt, đoạn trừ lời nói thêu dệt; nói đúng lúc, đúng sự thật, nói về pháp, nói về nghĩa, nói về tịch tĩnh, ưa nói về tịch tĩnh, hợp

việc, hợp thời, thích nghi, khéo dạy dỗ, khéo quở rầy. Vị ấy đối với việc nói lời thù ghét, tâm đã tịnh trừ.

“Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa tham lam, đoạn trừ tham lam, không ôm lòng náo hại, thấy của cải và các nhu cầu sinh sống của người khác không móng lòng tham lam, muốn cho được trở về mình. Vị ấy đối với việc tham lam tâm đã tịnh trừ.

“Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa giận dữ, đoạn trừ giận dữ, có tâm, có quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả, cho đến loài côn trùng. Vị ấy đối với sự giận dữ tâm đã tịnh trừ.

“Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử xa lìa tà kiến, đoạn trừ tà kiến, thực hành chánh kiến, không điên đảo; thấy như vậy, nói như vậy: ‘Có sự bố thí, có sự trai phước, và cũng có chú thuyết, có nghiệp thiện ác, có nghiệp báo thiện ác. Có đời này và đời sau. Có cha, có mẹ, trên đời có những bậc chân nhân đi đến thiện xứ, khéo vượt qua, khéo hướng đến, trong đời này và đời sau mà tự tri tự giác, tự tác chứng thành tựu và an trụ. Vị ấy đối với việc tà kiến, tâm đã tịnh trừ.

“Này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử thành tựu tịnh nghiệp nơi thân, thành tựu tịnh nghiệp nơi khẩu và ý. Xa lìa nhuế, xa lìa náo hại, trừ bỏ thù miên, không trạo cử, cống cao, đoạn trừ nghi, vượt qua mạn, chánh niệm, chánh trí, không có ngu si; tâm vị ấy tương ứng với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, trong hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng, hạ, cùng khắp tất cả, tâm tương ứng với từ, không thù, không oán, không sân nhuế, không náo hại, rất rộng lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, tâm bi, hỷ; tâm tương ứng với xả, không thù không oán, không sân nhuế, không náo hại, rộng lớn vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử tâm không thù, không oán, không sân nhuế, không náo hại, liền được bốn trụ xứ an ổn. Những gì là bốn?

“Nếu có đời này đời sau, có quả báo của nghiệp thiện và ác. Khi ta đã được nghiệp tương ứng với chánh kiến này rồi, ta thọ trì đầy đủ, thân hoại mạng chung chắc chắn sanh đến thiện xứ cho đến sanh lên các cõi trời’. Như vậy, này các người Già-lam,

Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không sân nhuế, không não hại; đó là trụ xứ an ổn thứ nhất.

“Lại nữa, này các người Già-lam, ‘Nếu không có đời này và đời sau, không có quả báo của nghiệp thiện và ác. Như vậy, ta ở ngay trong đời này không phải do cố ấy mà bị người khác bài bác; nhưng lại được bậc chánh trí khen ngợi, người tinh tấn, người có chánh kiến nói là có’. Như vậy, này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không não hại, đó là được trụ xứ an ổn thứ hai.

“Lại nữa, này các người Già-lam, ‘Nếu có tạo tác gì, chắc chắn ta không có tạo ác, ta không niệm ác. Vì sao vậy? Vì tự mình không tạo ác, khổ do đâu mà sanh?’ Như vậy, này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không não hại; đó là trụ xứ an ổn thứ ba.

“Lại nữa, này các người Già-lam, ‘Nếu có tạo tác, chắc chắn ta không tạo ác, ta không phạm đời sợ hay không sợ, luôn luôn nên thương xót tất cả thế gian, tâm ta không tranh chấp với tất cả thế gian, không vẫn đục, nhưng hân hoan’. Như vậy, này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không não hại; đó là trụ xứ an ổn thứ tư.

“Như vậy, này các người Già-lam, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không sân hận, không não hại; đó là được bốn trụ xứ an ổn”.

Những người Già-lam bạch Phật:

“Thưa Cù-đàm, đúng vậy, Đa văn Thánh đệ tử tâm không thù, không oán, không sân nhuế, không não hại, liền được bốn trụ xứ an ổn. Những gì là bốn?

“‘Nếu có đời này đời sau, có quả báo của nghiệp thiện và ác. Khi ta đã được nghiệp tương ứng với chánh kiến này rồi, ta thọ trì đầy đủ, thân hoại mạng chung chắc chắn sanh đến thiện xứ cho đến sanh lên các cõi trời’. Như vậy, thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không sân nhuế, không não hại; đó là trụ xứ an ổn thứ nhất.

“Lại nữa, thưa Cù-đàm, ‘Nếu không có đời này và đời sau, không có quả báo của nghiệp thiện và ác. Như vậy, ta ở ngay trong đời này không phải do cố ấy mà bị người khác bài bác; nhưng lại được bậc chánh trí khen ngợi, người tinh tấn, người có

chánh kiến nói là có'. Như vậy, thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không não hại, đó là được trụ xứ an ổn thứ hai.

"Lại nữa, thưa Cù-đàm, 'Nếu có tạo tác gì, chắc chắn ta không có tạo ác, ta không niệm ác. Vì sao vậy? Vì tự mình không tạo ác, khổ do đâu mà sanh?' Như vậy, thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không não hại; đó là trụ xứ an ổn thứ ba.

"Lại nữa, thưa Cù-đàm, 'Nếu có tạo tác, chắc chắn ta không tạo ác, ta không phạm đời sợ hay không sợ, luôn luôn nên thương xót tất cả thế gian, tâm ta không tranh chấp với tất cả thế gian, không vẫn đục, nhưng hân hoan'. Như vậy, thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không não hại; đó là trụ xứ an ổn thứ tư.

"Như vậy, thưa Cù-đàm, Đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không sân hận, không não hại; đó là được bốn trụ xứ an ổn.

"Thưa Cù-đàm, chúng con đã biết. Bạch Thiện Thệ, chúng con đã hiểu. Bạch Thế Tôn, chúng con trọn đời tự quy y với Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo. Duy nguyện Thế Tôn chấp nhận cho chúng con làm Ưu-bà-tắc, bắt đầu từ hôm nay, trọn đời tự quy y, cho đến lúc mạng chung".

Phật thuyết như vậy. Tất cả những người Già-lam và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

17. Kinh Già Di Ni

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại Na-lan-đà, ở xóm Tường, rừng Nại.

Bấy giờ A-tu-la thiên có người con là Già-di-ni, sắc tướng uy nghi, chói sáng rực rỡ, lúc đêm gần về sáng, đi đến nơi Đức Phật, cúi lạy dưới chân Phật rồi ngồi sang một bên.

Già-di-ni, con trời A-tu-la bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, các người Phạm chí cao ngạo tự cho ngang bằng trời. Họ cho rằng, nếu có chúng sanh nào mạng chung, họ có thể làm cho tự do qua lại các thiện xứ, sanh lên cõi trời. Thế

Tôn là Pháp chủ, mong Thế Tôn làm cho chúng sanh khi mạng chung đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời”.

Thế Tôn bảo rằng:

“Này Già-di-ni, nay ta hỏi ông, tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Này Già-di-ni, ý ông nghĩ thế nào? Nếu ở trong thôn ấp, hoặc có kẻ nam, người nữ biếng nhác, không tinh tấn, lại hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện, là sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến. Người ấy khi mạng chung, nếu có số đông người đến, thấy đều chấp tay hướng về người đó kêu gọi, van lơn, nói như thế này: ‘Các người, nam hoặc nữ, biếng nhác, không siêng năng, lại hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện là sát sanh, lấy của không cho, tà dâm nói dối, cho đến tà kiến. Các người nhân việc này, duyên việc này, khi thân hoại mạng chung chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời’. Như vậy, này Già-di-ni, những người nam hay nữ biếng nhác kia, không siêng năng, lại hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện là sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến; có thể nào vì được số đông người đều đến chấp tay hướng về chúng mà kêu gọi, van lơn, nhân việc ấy, duyên việc ấy mà lúc thân hoại mạng chung lại được đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời không?”

Già-di-ni thưa rằng:

“Không thể được, bạch Thế Tôn”.

Phật khen rằng:

“Lành thay, Già-di-ni, vì sao thế? Những người nam hay nữ kia, biếng nhác, không siêng năng, lại thực hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện là sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến. Nếu được số đông người đến chấp tay hướng về chúng, mà kêu gọi, van lơn, nhân việc ấy, duyên việc ấy khi thân hoại mạng chung lại được đi đến thiện xứ sanh lên cõi trời. Việc đó không thể có.

“Này Già-di-ni, cũng như cách thôn không bao xa, có vực nước sâu, nơi đó có một người ôm tảng đá lớn và nặng ném vào trong nước. Nếu có số đông người đến đều chấp tay hướng về tảng đá mà kêu gọi van lơn, nói như thế này: ‘Mong tảng đá nổi lên, mong tảng đá nổi lên’. Này Già-di-ni, ông nghĩ thế nào? Tảng đá lớn nặng ấy có thể nào vì được số đông người đến đều chấp

tay hướng về nó và kêu gọi van lơn, nhân việc đó, duyên việc đó mà sẽ nổi lên không?”

Già-di-ni trả lời rằng:

“Không thể được, bạch Thế Tôn!”

“Cũng vậy, này Già-di-ni, những người nam hay nữ kia biếng nhác, không tinh tấn, lại thực hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện là sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến, nếu được số đông người đều đến chấp tay hướng về chúng mà kêu gọi, van lơn, nhân việc đó, duyên việc đó mà lúc thân hoại mạng chung, được đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời; điều đó không thể có được.

“Vì sao thế? Bởi vì mười loại nghiệp đạo bất thiện này vốn đen, có quả báo đen, tự nhiên đi thẳng xuống, chắc chắn đi đến ác xứ.

Này Già-di-ni, ông nghĩ thế nào? Nếu như trong thôn ấp hoặc có người nam hay nữ, tinh tấn siêng tu, lại thực hành diệu pháp thành tựu mười nghiệp đạo thiện là xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, xa lìa lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến xa lìa tà kiến, được chánh kiến. Người ấy khi mạng chung nếu có số đông người đến đều chấp tay hướng về người đó mà kêu gọi van lơn, nói như thế này: ‘Này các người, nam hoặc nữ, các người đã tinh tấn siêng tu, lại thực hành diệu pháp, thành tựu mười nghiệp đạo thiện là xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến cũng đều xa lìa, đoạn trừ tà kiến, được chánh kiến. Các người nhân việc đó, duyên việc đó mà khi thân hoại mạng chung, hãy đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục’. Này Già-di-ni, ông nghĩ thế nào? Các người nam nữ kia, tinh tấn siêng tu lại thực hành diệu pháp, thành tựu mười nghiệp đạo thiện là xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến, đoạn trừ tà kiến, được chánh kiến. Có thể nào vì bị số đông người đến chấp tay hướng về người đó mà ca ngợi cầu xin, nhân việc đó, duyên việc đó, mà khi thân hoại mạng chung sẽ đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục không?”

Già-di-ni trả lời rằng:

“Không thể được, bạch Thế Tôn!”

Thế Tôn khen rằng.

“Lành thay, Già-di-ni! Vì sao vậy? Này Già-di-ni, những người nam hay nữ kia siêng năng tinh tấn, lại thực hành diệu pháp, thành tựu mười nghiệp thiện đạo là xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến đều xa lìa, được chánh kiến. Nếu được số đông người đến chấp tay hướng về người đó mà kêu gọi van lơn, nhân việc đó, duyên việc đó mà khi thân hoại mạng chung sẽ đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Điều này không thể có. Vì sao vậy? Này Già-di-ni, bởi vì mười nghiệp đạo thiện là trắng, có quả báo trắng, tự nhiên thăng lên, chắc chắn đến thiện xứ.

“Này Già-di-ni, cũng như cách thôn không xa có vực nước sâu, nơi đó có người đem hũ dầu ném vào nước; hũ bị vỡ, sành cặn chìm xuống, dầu bơ nổi lên trên. Cũng vậy, này Già-di-ni, những người nam hay nữ kia tinh tấn siêng tu, lại thực hành diệu pháp, thành tựu mười nghiệp đạo thiện là xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến xa lìa tà kiến, đoạn trừ tà kiến, được chánh kiến. Người ấy khi mạng chung, thân thể là sắc thô nặng, thuộc về bốn đại, do cha mẹ sanh, nuôi lớn bằng cơm áo, chống dựa khi ngồi nằm, chăm sóc bằng tắm gội, là pháp phá hoại, là pháp diệt tận, là pháp ly tán. Sau khi mạng chung, hoặc chìm quạ rĩa mổ, hoặc hùm sói ăn, hoặc bị đốt, hoặc bị chôn. Tất cả trở thành cát bụi. Tâm ý thức của người ấy thường được huân tập bởi tín, tinh tấn, đa văn, bố thí, trí tuệ. Người ấy, nhân việc ấy, duyên việc ấy mà tự nhiên thăng lên cao, sanh đến thiện xứ.

“Này Già-di-ni, người ấy đối với việc sát sanh, đã xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết. Đó là con đường vườn hoa, con đường thẳng tấn, con đường thiện xứ.

“Này Già-di-ni, cũng vậy đối với sự lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến tà kiến, xa lìa tà kiến, được chánh kiến. Đó là con đường vườn hoa, con đường thẳng tấn, con đường thiện xứ.

“Này Già-di-ni, lại có con đường vườn hoa, con đường thẳng tấn, con đường thiện xứ. Thế nào là lại có con đường vườn hoa, con đường thẳng tấn, con đường thiện xứ? Đó là tám chi thánh đạo. Từ chánh kiến cho đến chánh định; đó là tám. Này Già-di-ni, đó là lại có con đường vườn hoa, con đường thẳng tấn, con đường thiện xứ”.

Đức Phật thuyết như vậy. Già-di-ni và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

18. Kinh Sư Tử

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại nước Bệ-xá-li, bên bờ ao Di hâu, Cao lâu đài quán.

Bấy giờ một số đông bộ tộc Lệ-xế ở Bệ-xá-li vân tập nơi thính đường, nhiều lần tán thán Phật, nhiều lần tán thán Pháp và Chúng Tỳ-kheo. Lúc ấy đại thần Sư Tử, đệ tử Ni-kiền, cũng ở trong chúng đó. Bấy giờ đại thần Sư Tử muốn đến thăm viếng Đức Phật để cúng dường lễ bái. Đại thần Sư Tử trước hết đi đến chỗ các Ni-kiền, thưa với các Ni-kiền rằng:

“Thưa chư Tôn, tôi muốn thăm viếng Sa-môn Cù-đàm”.

Khi ấy các Ni-kiền quở Sư Tử rằng:

“Ông chớ đến thăm Sa-môn Cù-đàm. Vì sao vậy? Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ bất khả tác, và cũng giảng cho mọi người về pháp bất khả tác. Nay Sư Tử, nếu thăm viếng người có tông chỉ bất khả tác sẽ không được may mắn; cúng dường lễ bái cũng sẽ không được may mắn”.

Số đông Lệ-xế ở Bệ-xá-li ba lần vân tập nơi thính đường, nhiều lần tán thán Phật, nhiều lần tán thán Pháp và Chúng Tỳ-kheo. Lúc ấy đại thần Sư Tử, đệ tử Ni-kiền, cũng ba lần ở trong chúng đó. Bấy giờ đại thần Sư Tử cũng lại ba lần muốn đến thăm viếng Đức Phật, cúng dường, lễ bái.

Rồi đại thần Sư Tử không cáo từ các Ni-kiền nữa, mà đi thẳng đến chỗ Phật, cùng chào hỏi rồi ngồi xuống một bên và nói như vậy:

“Tôi nghe rằng Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ bất khả tác, và cũng đem pháp bất khả tác giảng cho người khác. Thưa Cù-đàm, nếu có người nói như vậy: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ bất khả tác; cũng đem pháp bất khả tác giảng cho người khác’. Người đó há không hủy báng Sa-môn Cù-đàm chẳng? Người ấy có nói đúng sự thật không? Người ấy nói có đúng pháp chẳng? Người ấy nói đúng pháp và như pháp chẳng? Đối với như pháp, không có sai lầm và không bị chỉ trích chẳng?”

Đức Thế Tôn đáp:

“Này Sư Tử, nếu có ai nói như vậy: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ bất khả tác, và cũng đem bất khả tác giảng cho mọi người’, người ấy không hủy báng Sa-môn Cù-đàm, người ấy nói sự thật, người ấy nói đúng pháp, người ấy nói pháp như pháp, đối với như pháp không có sai lầm, cũng không bị chỉ trích. Vì sao vậy, này Sư Tử, có một sự kiện mà, nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng, khi nói rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ bất khả tác, và cũng đem pháp bất khả tác ấy nói cho người khác’.

“Này Sư Tử, lại có một sự kiện nữa mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng, khi nói rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ khả tác và cũng đem pháp khả tác ấy nói cho người khác’.

“Này Sư Tử, lại có một sự kiện nữa mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng, khi nói rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ đoạn diệt và cũng đem pháp kinh tởm ấy nói cho người khác’.

“Này Sư Tử, lại có một sự kiện nữa mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng, khi nói rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ kinh tởm và cũng đem pháp kinh tởm ấy nói cho người khác’.

“Này Sư Tử, lại có một sự kiện nữa mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng, khi nói rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ pháp luật và cũng đem pháp về pháp luật ấy nói cho người khác’.

“Này Sư Tử, lại có một sự kiện nữa mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng, khi nói rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ khổ hành và cũng đem pháp khổ hành ấy nói cho người khác’.

“Này Sư Tử, lại có một sự kiện nữa mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng, khi nói rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ không nhập thai và cũng đem pháp không nhập thai ấy nói cho người khác’.

“Này Sư Tử, lại có một sự kiện nữa mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng, khi nói rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ an ổn và cũng đem pháp an ổn ấy nói cho người khác’.

“Này Sư Tử, thế nào là ‘Có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng, khi nói rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ bất khả tác, và cũng đem pháp bất khả tác ấy nói cho người khác’? Này Sư Tử, Ta nói thân ác hạnh là không nên làm, khẩu và ý ác hạnh cũng không nên làm. Này Sư Tử, nếu có vô lượng pháp ô uế bất thiện tương tự như vậy, làm cội gốc cho chư hữu trong tương lai, làm nhân cho quả báo khổ, nóng bức, và làm nhân cho sanh, già, bệnh, chết, này Sư Tử, Ta nói pháp ấy hết thảy không nên làm. Này Sư Tử, đó là ‘Có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng, khi nói rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ bất khả tác, và cũng đem pháp bất khả tác ấy nói cho người khác’.

“Này Sư Tử, thế nào là ‘Có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ khả tác và cũng đem tông chỉ khả tác ấy nói cho người khác’? Này Sư Tử, Ta nói thân diệu hạnh là nên làm, khẩu và ý diệu hạnh là nên làm. Này Sư Tử, nếu có vô lượng pháp thiện tương ứng như vậy, sẽ mang lại lạc quả, được thọ lạc báo, sanh về thiện xứ để được trường thọ. Này Sư Tử, Ta nói, tất cả những pháp này đều nên làm. Này Sư Tử, đó là ‘Có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật không thể hủy báng rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ khả tác và cũng đem pháp khả tác ấy nói cho người khác’.

“Này Sư Tử, thế nào là ‘Có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật không thể hủy báng rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ đoạn diệt và cũng đem pháp đoạn diệt ấy nói cho người khác’? Này Sư Tử, Ta nói thân ác hạnh nên đoạn diệt; khẩu, ý ác hạnh nên đoạn diệt. Này Sư Tử, nếu có vô lượng pháp ô uế, bất thiện như vậy, làm cội gốc cho cội hữu trong tương lai, làm nhân cho khổ báo phiền nhiệt, và cho sanh, già, bệnh, chết. Này Sư Tử, Ta nói tất cả các pháp ấy nên đoạn diệt. Này Sư Tử, đó là ‘Có một sự kiện mà, nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ đoạn diệt, và cũng đem pháp đoạn diệt ấy nói cho người khác’.

“Này Sư Tử, thế nào là ‘Có một sự kiện mà nhân sự kiện ấy, đối với pháp như thật không thể hủy báng rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ kinh tởm và cũng đem pháp kinh tởm ấy nói cho người khác’? Này Sư Tử, Ta nói thân ác hạnh, nên kinh tởm; khẩu, ý ác hạnh nên kinh tởm. Này Sư Tử, nếu có vô lượng pháp ô uế bất

thiện tương tự như vậy, làm cội gốc cho hữu trong tương lai, làm nhân cho khổ báo, phiền nhiệt, và cho sanh, già, bệnh, chết. Nay Sư Tử, Ta nói những pháp ấy đều nên kinh tởm. Nay Sư Tử, đó là 'Có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật không thể hủy báng rằng: 'Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ kinh tởm, và cũng đem pháp kinh tởm ấy nói cho người khác'.

"Nay Sư Tử, thế nào là 'Có một sự kiện, nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: 'Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ pháp luật cũng đem pháp luật ấy nói cho người khác'? Nay Sư Tử, vì mục đích đoạn tham dâm mà Ta nói pháp luật. Vì mục đích đoạn sân nhuế và ngu si mà Ta nói là pháp luật. Nay Sư Tử, nếu vô lượng pháp ô uế bất thiện, tương tự như vậy, làm cội gốc cho hữu trong tương lai, làm nhân cho khổ báo, phiền nhiệt, và cho sanh, già, bệnh, chết, nay Sư Tử, vì mục đích đoạn trừ những sự kiện ấy mà Ta nói pháp luật. Nay Sư Tử, đó là 'Có một sự kiện mà nhân sự kiện ấy, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: 'Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ pháp luật, cũng đem tông chỉ pháp luật ấy nói cho người khác'.

"Nay Sư Tử, thế nào là 'Có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: 'Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ khổ hạnh và cũng đem pháp khổ hạnh ấy nói cho người khác'? Nay Sư Tử, hoặc có Phạm chí Sa-môn lửa hình, không y phục hoặc dùng tay làm y phục, hoặc lấy lá làm y phục, hoặc lấy hạt châu làm y phục; hoặc không múc nước bằng bình, hoặc không múc nước bằng gáo; không ăn đồ ăn xốc xĩa bằng dao gậy, không ăn đồ ăn lừa dối, không tự mình đến, không làm khách được mời, không làm khách được chào đón, không làm khách được lưu, không ăn từ giữa hai người đang ăn, không ăn tại nhà có thai, không ăn từ nhà có nuôi chó, không ăn từ nhà có lẳng xanh bay đến; không ăn cá, không ăn thịt, không uống rượu, không uống nước dấm, hoặc không uống gì cả, học tập hạnh không uống; hoặc ăn một miếng, cho một miếng là đủ, hoặc ăn hai, ba, bốn, cho đến bảy miếng, và cho bảy miếng là đủ, hoặc ăn bởi một lần nhận được, và cho đến một lần nhận được là đủ, hoặc ăn bởi hai, ba bốn cho đến bảy lần nhận được và cho bảy lần nhận được là đủ, hoặc ăn ngày một lần và cho một lần là đủ, hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngày, nửa tháng, hay một tháng, ăn một lần và cho một lần là đủ; hoặc ăn cỏ, hoặc ăn lúa cỏ, hoặc ăn nếp tuế, hoặc ăn cám, hoặc ăn gạo đầu-đầu-la, hoặc ăn đồ ăn thô;

hoặc đến chỗ vô sự, y nơi vô sự; hoặc ăn rể, hoặc ăn trái, hoặc ăn quả tự rụng; hoặc mặc áo khâu đủ thứ vải, hoặc mặc áo lông, hoặc mặc áo vải đầu-xá, hoặc mặc áo vải đầu-xá bằng lông, hoặc mặc bằng da nguyên, hoặc mặc da có xoi lỗ, hoặc mặc da toàn xoi lỗ; hoặc để tóc xỏa, hoặc để tóc bên, hoặc để tóc vừa xỏa vừa bên, hoặc chỉ cạo tóc, hoặc chỉ cạo râu, hoặc cạo cả râu tóc, hoặc nhổ tóc, hoặc nhổ râu, hoặc nhổ cả râu tóc, hoặc chỉ đứng thẳng không hề ngồi, hoặc đi chồm hổm, hoặc nằm gai, lấy gai làm giường; hoặc nằm trái, lấy trái làm giường; hoặc thờ nước, ngày đêm lấy tay vọc; hoặc thờ lửa, ngày đêm đốt lên; hoặc thờ mặt trời, mặt trăng, thờ Đấng Tôn Hựu Đại Đức, chấp tay hướng về. So như vậy thời phải chịu vô lượng khổ, học hạnh phiền lao.

“Này Sư Tử, có những khổ hạnh như vậy, chứ Ta chẳng nói là không có. Này Sư Tử, nhưng những khổ hạnh như vậy là những nghiệp hạ tiện, rất khổ, rất khốn, là sự thực hành của người phạm phu, không phải Thánh đạo. Này Sư Tử, nếu có Sa-môn, Phạm chí đối với các pháp khổ hạnh ấy mà biết rõ, đoạn trừ, diệt tận và nhổ sạch gốc rễ của chúng đến rốt cùng, không cho sanh ra, Ta nói rằng những người kia là khổ hạnh. Này Sư Tử, Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, đối với các pháp khổ hạnh ấy đã biết rõ, đã đoạn trừ, diệt tận, nhổ tất cả gốc rễ của chúng đến rốt cùng không cho sanh ra nữa, do đó Ta là người khổ hạnh. Này Sư Tử, đó là sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ khổ hạnh, và cũng đem pháp khổ hạnh ấy nói cho người khác’.

“Này Sư Tử, thế nào là có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng khi nói rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ không nhập thai, và cũng đem pháp không nhập thai ấy nói cho người khác?’ Này Sư Tử, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào đối với sự thai sanh trong tương lai mà biết rõ, đoạn trừ, diệt tận, nhổ tuyệt gốc rễ của nó, cho đến rốt cùng không cho sanh ra nữa, Ta nói rằng người kia không còn vào thai. Này Sư Tử, Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, đối với thai sanh trong tương lai đã biết rõ, đã đoạn trừ, diệt tận, nhổ tuyệt gốc rễ của nó, cho đến rốt cùng không cho sanh ra nữa, do đó Ta không còn vào thai nữa. Này Sư Tử, đó là một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng khi nói rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ không nhập thai và cũng đem pháp không nhập thai đó nói cho người khác’.

“Này Sư Tử, thế nào là có một sự kiện, mà nhân sự kiện đó đối với pháp như thật, không thể hủy báng khi nói rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ an ổn và cũng đem pháp an ổn đó nói cho người khác’? Này Sư Tử, có một thiện nam tử nào đó cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, chỉ vì mục đích thành tựu phạm hạnh vô thượng, ở ngay trong đời mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trụ, biết như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Ta tự an ổn và cũng an ổn cho các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di khác. Ta đã an ổn và làm cho chúng sanh lệ thuộc vào sự sanh giải thoát sự sanh ấy; chúng sanh lệ thuộc vào già, tật bệnh, sự chết, ưu sầu, ô nhiễm, được sự giải thoát khỏi ưu sầu nhiễm ô ấy. Này Sư Tử, đó là có một sự kiện mà nhân sự kiện đó không thể hủy báng đối với pháp như thật rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ an ổn và cũng đem pháp an ổn ấy nói cho người khác’.”

Đại thần Sư Tử bạch Thế Tôn rằng:

“Bạch Cù-đàm, con đã biết. Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu. Bạch Cù-đàm, cũng như người có mắt tò, cái gì úp thì giở lên, cái gì che kín thì mở ra, chỉ đường cho người mê, đem ánh sáng đến chỗ tối, để cho ai có mắt sáng liền thấy màu sắc. Sa-môn Cù-đàm cũng lại như vậy, bằng vô lượng phương tiện, để thuyết pháp cho con, bày tỏ nghĩa lý, tùy theo các đạo.

“Bạch Cù-đàm, nay con xin quy y Phật, quy y Pháp và Chúng Tỳ-kheo, cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc; kể từ hôm nay, trọn đời tự quy y, cho đến khi mạng chung.

“Bạch Thế Tôn, cũng như có người nuôi một con ngựa bất lương, mà mong được sự lợi ích, chỉ uống công nhọc nhằn mà chẳng được sự lợi ích gì cả. Thế Tôn, con cũng như vậy. Các Ni-kiền ngu si kia, con không khéo hiểu biết, không thể tự biết, không nhận được đâu là ruộng tốt, mà lại không tự suy xét, mãi thờ kính, cúng dường, lễ bái để trông được lợi ích, chỉ nhọc mà vô ích. Bạch Thế Tôn, nay con một lần nữa xin tự quy Phật, Pháp và Chúng Tỳ-kheo. Cúi mong Đức Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay, trọn đời tự quy y, cho đến mạng chung.

“Bạch Thế Tôn, con vốn không hiểu nên đối với các Ni-kiền ngu si kia có sự tin tưởng và kính trọng, và từ nay chấm dứt. Vì sao thế? Vì họ lừa dối con. Bạch Thế Tôn, nay con lần thứ ba, xin

tự quy y nơi Phật, quy y Pháp, và Chúng Tỳ-kheo. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay, trọn đời tự quy y, cho đến mạng chung”.

Phật thuyết như vậy. Đại thần Sư Tử và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

19. Kinh Ni Kiền

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại Thích-ki-sầu, trong Thiên ấp.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Các Ni-kiền thấy như vậy, nói như vậy: ‘Những gì mà con người cảm thọ đều do nhân đã tạo tác từ trước. Nếu những nghiệp cũ của chúng do nhân khổ hạnh mà diệt và không tạo tác cái mới nữa, thì các nghiệp ấy dứt sạch. Các nghiệp đã dứt sạch thì các khổ được dứt sạch. Các khổ đã được dứt sạch thì đã đạt đến khổ biên’.

“Ta liền đến các vị ấy; đến rồi liền hỏi:

“— Này các Ni-kiền, phải chăng các vị thấy như vậy, nói như vậy: ‘Những gì mà con người cảm thọ đều do nhân đã tạo tác từ trước. Nếu những nghiệp cũ của chúng do nhân khổ hạnh mà diệt và không tạo tác cái mới nữa, thì các nghiệp ấy dứt sạch. Các nghiệp đã dứt sạch thì các khổ được dứt sạch. Các khổ đã được dứt sạch thì đã đạt đến khổ biên?’

“Họ trả lời rằng:

“— Đúng như vậy, Cù-đàm.

“Ta lại hỏi các vị Ni-kiền kia rằng:

“— Các vị tự có tịnh trí hay không, để biết rằng, trước kia ta có hay không có? Trước kia ta tạo ác hay không tạo ác? Ta chừng ấy khổ đã diệt tận, hay chừng ấy khổ chưa diệt tận; và nếu đã diệt tận thì sẽ được đã diệt tận vĩnh viễn? Chính ngay trong đời này mà đoạn các pháp bất thiện và tạo tác các thiện pháp, tu tập và tác chứng chăng?’

“Họ trả lời rằng:

“— Không phải vậy, Cù-đàm!

“Ta lại hỏi các Ni-kiền kia rằng:

“— Các vị tự mình không có tinh trí để biết rằng: ‘Trước kia ta có hay không có? Trước kia ta tạo ác hay không tạo ác? Ta chừng ấy khổ đã diệt tận, hay chừng ấy khổ chưa diệt tận; và nếu đã diệt tận thì sẽ được đã diệt tận vĩnh viễn? Chính ngay trong đời này mà đoạn các pháp bất thiện và tạo tác các thiện pháp, tu tập và tác chứng chẳng?’ Nhưng các vị lại nói rằng: ‘Những gì mà con người cảm thọ đều do nhân đã tạo tác từ trước. Nếu những nghiệp cũ của chúng do nhân khổ hạnh mà diệt và không tạo tác cái mới nữa, thì các nghiệp ấy dứt sạch. Các nghiệp đã dứt sạch thì các khổ được dứt sạch. Các khổ đã được dứt sạch thì đã đạt đến khổ biên’.

“— Nay các vị Ni-kiên, nếu các vị tự có tinh trí để biết rằng: ‘Trước kia ta có hay không có? Trước kia ta tạo ác hay không tạo ác? Ta chừng ấy khổ đã diệt tận, hay chừng ấy khổ chưa diệt tận; và nếu đã diệt tận thì sẽ được đã diệt tận vĩnh viễn? Chính ngay trong đời này mà đoạn các pháp bất thiện và tạo tác các thiện pháp, tu tập và tác chứng chẳng?’ Thì nay các Ni-kiên, các vị mới có thể nói như vậy: ‘Những gì mà con người cảm thọ đều do nhân đã tạo tác từ trước. Nếu những nghiệp cũ của chúng do nhân khổ hạnh mà diệt và không tạo tác cái mới nữa, thì các nghiệp ấy dứt sạch. Các nghiệp đã dứt sạch thì các khổ được dứt sạch. Các khổ đã được dứt sạch thì đã đạt đến khổ biên’.

“— Nay Ni-kiên, cũng như có người mà thân thể bị trúng tên độc. Vì trúng tên độc nên rất đau đớn. Người ấy được quyền thuộc yêu mến xót thương, muốn đem lại sự thiện ích, an ổn, nên lập tức mời vị y sư nhổ tên đến. Vị y sư liền lấy dao bén để giải phẫu vết thương; do sự phẫu thuật vết thương nên lại rất đau đớn. Sau khi giải phẫu vết thương, liền tìm mũi tên; khi tìm mũi tên, lại càng rất đau đớn. Tìm được mũi tên, liền lập tức nhổ ra; lúc nhổ ra y lại càng đau đớn thêm. Nhổ mũi tên ra rồi, đập vết thương lại và băng bó. Khi băng bó vết thương, lại càng đau đớn hơn. Sau khi nhổ được mũi tên ra, người ấy khỏe mạnh, không bệnh hoạn, các căn không hư hoại, bình phục như cũ.

“— Nay các Ni-kiên, người ấy có sẵn khôn ngoan nên liền suy nghĩ như vậy: ‘Ta trước kia bị trúng tên độc. Vì trúng tên độc nên rất đau đớn. Ta được quyền thuộc yêu mến xót thương, muốn đem lại sự thiện ích, an ổn, nên lập tức mời vị y sư nhổ tên đến. Vị y sư liền lấy dao bén để giải phẫu vết thương; do sự phẫu thuật vết thương nên lại rất đau đớn. Sau khi giải phẫu vết thương, liền

tìm mũi tên; khi tìm mũi tên, lại càng rất đau đớn. Tìm được mũi tên, liền lập tức nhổ ra; lúc nhổ ra lại càng đau đớn thêm. Nhổ mũi tên ra rồi, đây vết thương lại và băng bó. Khi băng bó vết thương, lại càng đau đớn hơn. Ta sau khi nhổ mũi tên ra rồi, được khỏe mạnh, không bệnh hoạn, các căn không hư hoại, trở lại bình thường như cũ’.

“— Cũng vậy, này Ni-kiền, nếu các vị có tịnh trí, vậy có biết rằng: ‘Trước kia ta có hay không có, trước kia ta tạo ác hay không tạo ác? Ta bị chừng ấy khổ là hết hay bị chừng ấy khổ vẫn chưa hết. Nếu hết rồi sẽ được hết khổ vĩnh viễn? Chính ngay trong đời này mà đoạn các pháp bất thiện và tạo được các thiện pháp tu tập và tác chứng chẳng?’ Thì này các Ni-kiền, các vị mới có thể nói rằng: ‘Những gì mà con người cảm thọ đều do nhân đã tạo tác từ trước. Nếu những nghiệp cũ của chúng do nhân khổ hạnh diệt mà không tạo nghiệp mới nữa, thì các nghiệp ấy sẽ chấm dứt. Các nghiệp đã chấm dứt thì các khổ sẽ chấm dứt, các khổ đã được chấm dứt thì đã đạt đến khổ biên’.

“Ta hỏi như vậy mà không thấy các Ni-kiền có thể trả lời Ta rằng: ‘Này Cù-đàm, đúng như vậy’ hay ‘không đúng như vậy’.

“Lại nữa, Ta hỏi các Ni-kiền rằng:

“— Nếu các vị Ni-kiền có sự tinh cần bậc thượng, có sự khổ hành bậc thượng; bấy giờ các Ni-kiền có phát sanh sự khổ bậc thượng chẳng?

“Họ trả lời Ta rằng:

“— Đúng vậy, Cù-đàm.

“— Nếu có sự tinh cần bậc trung, có sự khổ hành bậc trung; bấy giờ các Ni-kiền có phát sanh sự khổ bậc trung chẳng?

“Họ trả lời Ta rằng:

“— Đúng vậy, Cù-đàm.

“— Nếu có sự tinh cần bậc hạ, có sự khổ hành bậc hạ; bấy giờ các Ni-kiền có phát sanh sự khổ bậc hạ chẳng?

“Họ trả lời Ta rằng:

“— Đúng vậy, Cù-đàm.

“— Như vậy là, nếu các vị Ni-kiền có sự tinh cần bậc thượng, có sự khổ hành bậc thượng; bấy giờ các Ni-kiền có phát sanh sự

khổ bậc thượng. Nếu có sự tinh cần bậc trung, có sự khổ hành bậc trung; bấy giờ các Ni-kiền có phát sanh sự khổ bậc trung. Nếu có sự tinh cần bậc hạ, có sự khổ hành bậc hạ; bấy giờ các Ni-kiền có phát sanh sự khổ bậc hạ.

“Nếu giả sử các Ni-kiền có sự tinh cần bậc thượng và khổ hành bậc thượng, bấy giờ các Ni-kiền ấy dập tắt sự khổ bậc thượng. Có sự tinh cần bậc trung và khổ hành bậc trung, bấy giờ các Ni-kiền ấy dập tắt sự khổ bậc trung. Có sự tinh cần bậc hạ và khổ hành bậc hạ, bấy giờ các Ni-kiền ấy dập tắt sự khổ bậc hạ. Hoặc làm như vậy, hoặc không làm như vậy, mà dập tắt khổ cùng cực và các nỗi khổ rất nặng nề, thì nên biết các Ni-kiền ngay trong đời này mà gây ra khổ. Nhưng các Ni-kiền bị si mê che lấp, bị si mê trói buộc, nên nói thế này: ‘Những gì mà con người cảm thọ đều do nhân đã tạo tác từ trước. Nếu những nghiệp cũ của chúng do nhân khổ hạnh diệt mà không tạo nghiệp mới nữa, thì các nghiệp ấy sẽ chấm dứt. Các nghiệp đã chấm dứt thì các khổ sẽ chấm dứt, các khổ đã được chấm dứt thì đã đạt đến khổ biên’.

“Ta hỏi như vậy mà không thấy các Ni-kiền có thể trả lời Ta rằng: ‘Này Cù-đàm, đúng như vậy’ hay ‘không đúng như vậy’.

“Lại nữa, Ta hỏi các Ni-kiền rằng:

“– Các vị Ni-kiền, nếu có nghiệp mang lại lạc báo thì nghiệp ấy có thể nào nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hành mà chuyển thành khổ báo chăng? Họ trả lời Ta rằng:

“– Không thể, thưa Cù-đàm!

“– Các vị Ni-kiền, nếu có nghiệp mang lại khổ báo thì nghiệp ấy có thể nào nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hạnh mà chuyển thành lạc báo chăng?

“Họ trả lời Ta rằng:

“– Không thể, thưa Cù-đàm!

“– Các vị Ni-kiền, nếu có nghiệp báo trong đời hiện tại, thì nghiệp ấy có thể nào nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hành ấy mà chuyển thành quả báo đời sau chăng?

“Họ trả lời Ta rằng:

“– Không thể, thưa Cù-đàm!

“– Các vị Ni-kiền, nếu có nghiệp báo đời sau thì nghiệp ấy có thể nào nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hạnh mà chuyển thành quả báo đời hiện tại chăng?

“Họ trả lời Ta rằng:

“– Không thể, thưa Cù-đàm!

“– Các vị Ni-kiền, nếu có nghiệp báo không chín, nghiệp ấy có thể nào nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hạnh mà chuyển thành quả báo chín chăng?

“Họ trả lời Ta rằng:

“– Không thể, thưa Cù-đàm!

“– Các vị Ni-kiền, đó là lạc nghiệp báo, nghiệp ấy không thể nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hạnh, mà chuyển thành khổ báo được. Nay các Ni-kiền, khổ báo nghiệp; nghiệp ấy không thể nhân sự tinh cần hay nhân sự khổ hạnh mà chuyển thành lạc báo được. Nay các Ni-kiền, hiện báo nghiệp; nghiệp ấy không thể nhân sự tinh tấn và nhân sự khổ hạnh mà chuyển thành hậu báo được. Nay các Ni-kiền, sanh nghiệp báo; nghiệp ấy không thể nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hạnh mà chuyển thành hiện báo được. Nay các Ni-kiền, nghiệp không chín, nghiệp ấy không thể nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hạnh mà chuyển thành quả báo chín. Nay các Ni-kiền, nghiệp báo chín; nghiệp ấy không thể nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hạnh mà chuyển đổi thành khác đi được. Vì vậy, nay các Ni-kiền, sự nỗ lực của quý vị là hư vọng, sự tinh cần ấy là trống rỗng, chẳng đạt được gì cả.

“Các Ni-kiền ấy liền trả lời Ta rằng:

“Thưa Cù-đàm, chúng tôi có tôn sư tên là Thân Tử Ni-kiền có nói thế này: ‘Các Ni-kiền, nếu các người trước kia đã tạo tác ác nghiệp; những nghiệp ấy đều có thể nhân sự khổ hạnh này mà bị diệt tận. Nếu nay hộ trì thân, khẩu, ý; nhân đó không còn tạo ác nghiệp nữa’.

“Ta lại hỏi các Ni-kiền kia rằng:

“– Các vị tin tôn sư Thân Tử Ni-kiền, mà không chút nghi ngờ sao?

“Họ trả lời ta rằng:

“– Cù-đàm, chúng tôi tin tôn sư Thân Tử Ni-kiền, không hề có nghi hoặc.

“Ta lại hỏi các Ni-kiền kia rằng:

“– Có năm pháp đem lại hai quả báo trong đời này. Đó là tín, lạc, văn, niệm, kiến thiện quán. Các Ni-kiền, có phải chẳng người ta tự có sự hư dối mà nói rằng: ‘Điều này đáng tin, đáng nghe theo, đáng suy ngẫm, đáng chiêm nghiệm kỹ?’ Họ trả lời Ta rằng:

“– Đúng như vậy, thưa Cù-đàm!

“Ta lại bảo các Ni-kiền kia rằng:

“– Đó là lời dối trá, sao đáng tin, sao đáng nghe theo, sao đáng suy ngẫm, sao đáng chiêm nghiệm? Nghĩa là, người ta tự có sự hư dối mà nói rằng: ‘Điều này đáng tin, đáng nghe theo, đáng suy ngẫm, đáng chiêm nghiệm kỹ’.

“Nếu các Ni-kiền nói như thế thì đối với pháp như thật có năm điều đáng khiển trách, chất vấn, là đáng ghê tởm. Những gì là năm?

“Nay những điều khổ, lạc mà chúng sanh này cảm thọ đều do sự tạo tác trước kia. Nếu đúng như vậy thì các Ni-kiền trước kia tạo các ác nghiệp. Bởi thế nên nay các Ni-kiền phải thọ khổ cực trọng đại. Đó là điều đáng ghê tởm thứ nhất của các Ni-kiền.

“Lại nữa, chúng sanh lãnh thọ sự khổ vui đều do sự hội hợp. Nếu đúng như vậy thì các vị vốn hội hợp các điều ác. Bởi thế nên nay các Ni-kiền phải thọ khổ cực trọng đại. Đó là điều đáng ghê tởm thứ hai của các Ni-kiền.

“Lại nữa, chúng sanh lãnh thọ sự khổ vui đều do định mạng. Nếu đúng như vậy thì các Ni-kiền có định mạng ác. Bởi vậy cho nên nay các Ni-kiền phải thọ khổ cực trọng đại. Đó là điều đáng ghê tởm thứ ba của các Ni-kiền.

“Lại nữa, chúng sanh lãnh thọ sự khổ vui đều do kiến. Nếu đúng như vậy thì các Ni-kiền vốn có ác kiến. Bởi vậy cho nên nay các Ni-kiền phải thọ khổ cực trọng đại. Đó là điều đáng ghê tởm thứ tư của các Ni-kiền.

“Lại nữa, chúng sanh lãnh thọ sự khổ vui đều do Tôn hựu tạo. Nếu đúng như vậy thì các Ni-kiền vốn có một Tôn hựu hung ác. Bởi vậy cho nên nay các Ni-kiền phải thọ khổ cùng cực. Đó là điều đáng ghê tởm thứ năm của các Ni-kiền.

“Nếu các Ni-kiền vốn do tạo tác nghiệp ác hội hợp, ác định mạng, ác kiến, ác Tôn hựu, vì thế mà các Ni-kiền nay phải lãnh

thọ khổ cực trọng đại. Đó là vì những việc ấy nên các Ni-kiền là những người đáng ghê tởm.

“Pháp mà ta tự tri, tự giác và nói cho các vị, dù là Sa-môn, Phạm chí, hoặc Thiên, Ma, Phạm và những kẻ khác trên thế gian đều không thể hàng phục được, đều không thể chế ngự được.

“Thế nào là pháp mà ta tự tri, tự giác và nói cho các vị, không thể bị Sa-môn, Phạm chí, hoặc Thiên, Ma, Phạm và những kẻ khác trên thế gian có thể khuất phục được? Có thể làm cho ô uế được, và có thể chế ngự được?

“Nếu có Tỳ-kheo xả bỏ thân nghiệp bất thiện để tu thiện nghiệp nơi thân; xả bỏ khẩu, ý nghiệp bất thiện, tu thiện nghiệp nơi khẩu, ý. Vị đó đối với sự khổ đời vị lai liền tự biết ta không có khổ đời vị lai, được sự an lạc như pháp mà không xả bỏ. Vị ấy hoặc muốn đoạn trừ đối với nguyên nhân của khổ do sự tập hành bằng dục, hoặc muốn nỗ lực đoạn trừ đối với nguyên nhân của khổ do sự tập hành bằng xả dục. Vị ấy nếu muốn nỗ lực đoạn trừ đối với nguyên nhân của khổ do tập hành bằng dục, vị ấy tu tập sự tập hành bởi dục ấy và sau khi đã nỗ lực thành tựu, sự khổ liền chấm dứt. Vị ấy nếu muốn đoạn trừ đối với nguyên nhân của khổ bằng sự tập hành bởi xả dục, tức tu tập sự tập hành bởi xả dục ấy, và sau khi nỗ lực đã thành tựu, sự khổ liền chấm dứt.

“Bấy giờ nếu Tỳ-kheo ấy suy nghĩ như thế này: ‘Tùy theo sự tạo tác, tùy theo sự thực hành mà pháp bất thiện sanh khởi, thiện pháp bị tiêu diệt. Nếu tự tinh cần khổ hạnh mà pháp bất thiện bị tiêu diệt, thiện pháp sinh khởi, thì ta hãy tự tinh cần khổ hạnh ấy’. Rồi vị ấy tự tinh cần khổ hạnh. Sau khi đã tinh cần khổ hạnh, pháp bất thiện bị tiêu diệt, thiện pháp sanh khởi. Bấy giờ vị ấy không còn tinh cần khổ hạnh nữa. Vì sao thế? Nay các Tỳ-kheo, những gì cần phải làm trước đó, nay mục đích đã thành tựu, nếu còn tinh cần khổ hạnh, việc ấy không xảy ra.

“Này Tỳ-kheo, cũng như người thợ làm tên, dùng kìm để uốn tên. Khi cây tên đã thẳng thì không còn dùng kìm nữa. Vì sao thế? Vì việc phải làm trước đó nay đã xong rồi, nếu còn dùng kìm nữa, việc ấy không đúng.

“Cũng vậy, Tỳ-kheo suy nghĩ như thế này: ‘Tùy theo sự tạo tác, tùy theo sự thực hành mà pháp bất thiện sanh khởi, thiện pháp bị tiêu diệt. Nếu tự tinh cần khổ hạnh mà pháp bất thiện bị tiêu diệt, thiện pháp sinh khởi, thì ta hãy tự tinh cần khổ hạnh

ấy'. Rồi vị ấy tự tinh cần khổ hạnh. Sau khi đã tinh cần khổ hạnh, pháp bất thiện bị tiêu diệt, thiện pháp sanh khởi. Bây giờ vị ấy không còn tinh cần khổ hạnh nữa. Vì sao thế? Nay các Tỳ-kheo, những gì cần phải làm trước đó, nay mục đích đã thành tựu, nếu còn tinh cần khổ hạnh việc ấy không đúng.

"Này Tỳ-kheo, cũng như có người thương nhớ, say đắm, trông chờ sẵn đón một người nữ kia, nhưng người nữ ấy lại nói chuyện với một người khác, thăm hỏi lẫn nhau, qua lại chung chạ. Người ấy do đó mà thân tâm phát sinh khổ não, buồn rầu không?"

Tỳ-kheo đáp:

"Thật như vậy, bạch Thế Tôn!"

"Vì sao thế? Vì người kia thương nhớ say đắm và hết sức trông chờ sẵn đón nữ nhân mà nữ nhân ấy lại nói chuyện với người khác, thăm hỏi lẫn nhau, qua lại chung chạ, thân tâm người ấy làm sao khỏi sanh ra khổ não buồn rầu.

"Này Tỳ-kheo, giả sử người kia suy nghĩ thế này: Ta thương nhớ sẵn đón sông người nữ kia, nhưng người nữ ấy lại nói chuyện với người khác, thăm hỏi lẫn nhau, qua lại chung chạ. Nay ta có nên vì việc ấy tự gây khổ não và tự gây ưu phiền mà dứt trừ sự thương nhớ say đắm người nữ kia chăng?' Người ấy sau đó vì sự tự gây khổ, tự gây sầu não liền dứt trừ sự thương nhớ say đắm người nữ ấy? Nếu người nữ kia vẫn còn nói chuyện với người khác, thăm hỏi lẫn nhau, qua lại chung chạ, người ấy sau đó có thể nào sẽ còn sanh ra khổ não, rất buồn rầu chăng?"

Tỳ-kheo đáp:

"Không còn nữa, bạch Thế Tôn".

"Vì sao thế? Vì người ấy đối với nữ nhân kia không còn tình thương nhớ say đắm nữa. Giả sử nữ nhân kia vẫn còn nói chuyện với người khác, thăm hỏi lẫn nhau, qua lại chung chạ; nếu cho rằng người kia vì thế mà thân tâm lại còn sanh khởi khổ não, rất buồn rầu, điều ấy không đúng.

"Cũng thế, bây giờ Tỳ-kheo suy nghĩ thế này: 'Tùy theo sự tạo tác, tùy theo sự thực hành mà pháp bất thiện sanh khởi, thiện pháp bị tiêu diệt. Nếu tự tinh cần khổ hạnh mà pháp bất thiện bị tiêu diệt, thiện pháp sanh khởi, thì ta hãy tự tinh cần khổ hạnh ấy'. Rồi vị ấy tự tinh cần khổ hạnh. Sau khi đã tinh cần khổ hạnh, pháp bất thiện bị tiêu diệt, thiện pháp sanh khởi. Bây giờ vị ấy

không còn tinh cần khổ hạnh nữa. Vì sao thế? Nay các Tỳ-kheo những gì cần phải làm trước đó, nay mục đích đã thành tựu, nếu còn tinh cần khổ hạnh việc ấy không đúng.

“Vị ấy lại nghĩ như thế này: ‘Nếu có những nguyên nhân để đoạn trừ các khổ não kia, ta liền đã đoạn trừ rồi, nhưng đối với dục ta vẫn còn như cũ chớ chưa đoạn được. Nay ta hãy tìm cách đoạn được dục. Vị ấy vì để đoạn dục, bèn sống cô độc, ẩn dật nơi rừng vắng, hoặc đến dưới bóng cây, nơi vắng vẻ, sườn núi, động đá, đất trống, lùm cây, hoặc đi vào rừng sâu, hoặc ở giữa bãi tha ma. Khi vị ấy đã sống nơi rừng vắng rồi, hoặc là đến dưới bóng cây, nơi vắng vẻ yên lặng, trải Ni-sư-đàn, ngồi kiết già, dựng thân ngay thẳng, phản tỉnh không hướng ý niệm ra ngoài đoạn trừ tham lam, tâm không còn nao náo; thấy của cải và tư cụ sinh sống của người khác, không còn móng khởi tham lam, muốn sao cho được về mình. Vị ấy đối với tham lam đã tịnh trừ tâm ý. Cũng vậy, đối với sân nhuế, tùy miên, trạo hối, đoạn trừ nghi, vượt qua hoặc, không còn do dự đối với các thiện pháp, vị ấy đối với nghi đã tịnh trừ tâm ý.

“Vị ấy đã đoạn trừ năm triền cái vốn làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đệ Tứ thiên, thành tựu và an trụ.

“Vị ấy đạt được tịnh tâm thanh tịnh, không nhơ uế và không phiền nhọc như vậy, nhu nhuyễn và khéo léo an trụ, chứng đắc tâm bất động, hướng thẳng đến lậu tận trí thông. Vị ấy biết như thật rằng: ‘Đây là Khổ’, ‘đây là Khổ tập’, ‘đây là Khổ diệt’, và biết như thật ‘đây là Khổ diệt đạo’. Cũng biết như thật rằng: Đây là lậu, đây là lậu tập, đây là lậu diệt, biết như thật đây là lậu diệt đạo. Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy thì tâm giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu, tâm giải thoát vô minh lậu. Giải thoát rồi liền biết là giải thoát, biết như thật rằng: ‘Sự sanh đã hết, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’.

“Đức Như Lai với chánh tâm giải thoát như vậy thành tựu được năm điều tán thán như pháp, không tranh cãi, khả ái, khả kính. Những gì là năm?

“Chúng sanh kia thọ lãnh khổ vui đều do sự tạo tác trước kia. Nếu đúng như vậy thì Như Lai vốn có nghiệp vi diệu từ trước. Bởi vậy nên nay Như Lai mới có sự an lạc vô lậu của Bạc Thánh, tịch

tĩnh, tĩnh chỉ, cảm thọ lạc. Đó là điều xưng tán thứ nhất mà Như Lai đạt được.

“Lại nữa, chúng sanh thọ lãnh khổ vui đều do hiệp hội. Nếu đúng như vậy thì Như Lai vốn có sự nghiệp hội vi diệu. Bởi vậy, nên nay Như Lai mới có sự hiệp hội vi diệu, sự an lạc vô lậu của Bạc Thánh, tịch tịnh, tĩnh chỉ, cảm thọ lạc. Đó là điều xưng tán thứ hai mà Đức Như Lai đạt được.

“Lại nữa, chúng sanh thọ lãnh khổ vui đều do định mạng. Nếu đúng như vậy thì Như Lai vốn có định mạng vi diệu. Bởi vậy, nên nay Như Lai mới có sự an lạc vô lậu của Bạc Thánh, tịch tịnh, tĩnh chỉ, cảm thọ lạc. Đó là điều xưng tán thứ ba mà Đức Như Lai đạt được.

“Lại nữa, chúng sanh thọ lãnh khổ vui đều do kiến. Nếu đúng như vậy thì Như Lai vốn có kiến vi diệu. Bởi vậy, nên nay Như Lai mới có sự an lạc vô lậu của Bạc Thánh, tịch tịnh, tĩnh chỉ, cảm thọ lạc. Đó là điều xưng tán thứ tư mà Đức Như Lai đạt được.

“Lại nữa, chúng sanh thọ lãnh khổ vui đều do Đấng Tôn Hựu tạo tác. Nếu đúng như vậy thì Như Lai vốn có Tôn Hựu vi diệu. Bởi vậy, nên nay Như Lai mới có sự an lạc vô lậu của bạc Thánh, tịch tịnh, tĩnh chỉ, cảm thọ lạc. Đó là điều xưng tán thứ năm mà Đức Như Lai đạt được.

“Đó là Như Lai vốn có từ trước nghiệp vi diệu, sự hội hợp vi diệu, định mạng vi diệu, kiến vi diệu và Tôn Hựu vi diệu và tạo tác vi diệu của Tôn Hựu. Do đó mà Như Lai được năm điều tán thán.

“Có năm nhân duyên làm cho tâm sanh ưu khổ. Những gì là năm? Đó là dâm dục triền, do dâm dục quấn chặt nên tâm sanh ưu khổ. Cũng vậy, đôi với sân nhuế, thùy miên, trạo hoi, nghi hoặc. Do nghi hoặc quấn chặt, nên tâm sanh ưu khổ. Đó là năm nhân duyên làm tâm sanh ưu khổ.

“Có năm nhân duyên để tâm diệt ưu khổ. Những gì là năm? Như do dâm dục triền nên tâm sinh ưu khổ, trừ dâm dục triền rồi thì ưu khổ liền bị tiêu diệt. Vì dâm dục triền nên tâm sanh ra ưu khổ, ngay trong đời hiện tại mà chứng đắc cứu cánh, không phiền, không nhiệt và thường trụ bất biến; đó là sở tri của bạc Thánh, sở kiến của bạc Thánh. Cũng vậy, với sân nhuế, thùy miên, nghi hoặc triền; do nghi hoặc quấn chặt nên tâm sanh ra ưu khổ. Nếu

trừ được nghi hoặc triền rồi thì ưu khổ liền bị tiêu diệt. Vì nghi hoặc quăn chặt nên tâm sanh ra ưu khổ, trong đời hiện tại mà chứng đắc cứu cánh, không phiền, không nhiệt, thường trụ bất biến. Đó là sở tri của Bạc Thánh, sở kiến của Bạc Thánh. Ấy là năm nhân duyên để tâm diệt trừ ưu khổ.

“Lại nữa, còn có pháp khác ngay trong đời hiện tại mà chứng đắc cứu cánh, không phiền, không nhiệt, thường trụ và bất biến, là sở tri của bạc Thánh, là sở kiến của bạc Thánh. Thế nào là còn có pháp khác ngay trong đời hiện tại mà chứng đắc cứu cánh không phiền, không nhiệt, thường trụ và bất biến, là sở tri của bạc Thánh, sở kiến của Bạc Thánh? Đó là tám chi thánh đạo, tức từ chánh kiến đến chánh định. Ấy là còn có pháp ngay trong đời hiện tại mà chứng đắc cứu cánh, không phiền, không nhiệt, thường trụ và bất biến, là sở tri của Bạc Thánh, sở kiến của bạc Thánh.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

20. Kinh Ba La Lao

Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa ở Câu-lệ-sâu, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo, đi đến Bắc thôn, trú ở phía Bắc của thôn trong rừng Thi-nhiếp-hòa.

Bấy giờ Ba-la-lao Già-di-ni nghe rằng: “Sa-môn Cù-đàm thuộc dòng họ Thích, đã từ bỏ dòng họ Thích, xuất gia học đạo, đang du hóa tại Câu-lệ-sâu cùng chúng Đại Tỳ-kheo đi đến Bắc thôn, trú ở phía Bắc của thôn trong rừng Thi-nhiếp-hòa. Vị Sa-môn Cù-đàm ấy có tiếng tăm lớn, truyền khắp mười phương rằng: ‘Sa-môn Cù-đàm là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Chúng Hựu. Vị ấy ở trong thế gian này giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ loài người cho đến loài trời, tự tri tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trụ. Pháp mà vị ấy thuyết, khoảng đầu thiện, khoảng giữa thiện, cứu cánh cũng thiện, có nghĩa, có văn, hiển hiện phạm hạnh thanh tịnh trọn đủ’. Nếu gặp được Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, để tôn trọng, lễ bái cúng dường, thừa sự, thì sẽ được

hiều thiện lợi". Người kia suy nghĩ rằng: "Ta nên đến yết kiến Sa-môn Cù-đàm để lễ bái, cúng dường".

Ba-la-lao Già-di-ni nghe vậy rồi, ra khỏi Bắc thôn, đi về hướng Bắc, đến rừng Thi-nhiếp-hòa, muốn yết kiến Thế Tôn để lễ bái cúng dường. Ba-la-lao Già-di-ni từ xa trông thấy Thế Tôn ở trong rừng cây, đoan nghiêm đẹp đẽ, như mặt trăng giữa đám tinh tú sáng ngời chói lọi, rực rỡ như tòa núi vàng, đầy đủ tướng hảo, uy thần vời vợi, các căn tịch tịnh, không gì ngăn che, thành tựu sự điều ngự, tâm yên tĩnh lặng. Ba-la-lao Già-di-ni từ xa trông thấy Đức Thế Tôn rồi, đến trước chỗ Thế Tôn, cùng chào hỏi rồi ngồi xuống một phía, thưa với Thế Tôn rằng:

"Tôi nghe Sa-môn Cù-đàm biết huyền thuật, là nhà huyền thuật. Thưa Cù-đàm, nếu ai nói như vậy: 'Sa-môn Cù-đàm biết huyền thuật, là nhà huyền thuật', người ấy không hủy báng Sa-môn Cù-đàm chăng? Người ấy có nói đúng sự thật không? Người ấy nói có đúng pháp chăng? Người ấy nói đúng pháp và như pháp chăng? Đối với như pháp, không có sai lầm và không bị chỉ trích chăng?"

Đức Thế Tôn đáp:

"Này Già-di-ni, nếu có ai nói như vậy, 'Sa-môn Cù-đàm biết huyền thuật, là nhà huyền thuật', thì người ấy không hủy báng Sa-môn Cù-đàm, người ấy nói chân thật, người ấy nói đúng pháp, người ấy nói pháp như pháp, đối với pháp không có lỗi lầm, không bị chỉ trích. Vì sao thế? Này Già-di-ni, Ta biết huyền thuật ấy, nhưng chính Ta không phải là nhà huyền thuật".

Già-di-ni nói rằng:

"Những điều các Sa-môn, Phạm chí kia nói là chân thật, nhưng tôi không tin họ nói rằng 'Sa-môn Cù-đàm biết huyền thuật và là nhà huyền thuật'".

Thế Tôn nói:

"Này Già-di-ni, nếu người nào biết huyền thuật thì người đó là nhà huyền thuật chăng?"

Già-di-ni thưa rằng:

"Quả thật vậy, Thế Tôn. Quả thật vậy, Thiện Thệ".

Thế Tôn bảo rằng:

“Này Già-di-ni, ông đừng tự làm lẫn mà hủy báng Ta. Nếu hủy báng Ta thì chỉ tự gây tổn hại, có sự náo hại, có xúc phạm, điều mà Hiền Thánh ghét bỏ, và bị tội lớn. Vì sao thế? Này Già-di-ni, điều ấy thật ra không đúng như lời ông nói. Này Già-di-ni, ông có nghe Câu-lệ-sầu có binh tốt chăng?”

Già-di-ni đáp rằng:

“Tôi nghe rằng có”.

“Này Già-di-ni, ông nghĩ thế nào, Câu-lệ-sầu có binh tốt ấy để làm gì?”

Già-di-ni đáp:

“Thưa Cù-đàm, để làm thông sứ và giết giặc cướp. Vì việc đó nên Câu-lệ-sầu nuôi các binh tốt ấy”.

“Này Già-di-ni, ông nghĩ thế nào, binh tốt Câu-lệ-sầu có giữ giới cấm hay không giữ giới cấm?”

Già-di-ni đáp:

“Thưa Cù-đàm, nếu trên thế gian này có những người không giữ giới cấm, vẫn không thể quá hơn binh tốt Câu-lệ-sầu. Vì sao thế? Vì binh tốt Câu-lệ-sầu phạm rất nhiều giới cấm, chỉ làm các ác pháp”.

Lại hỏi:

“Ông thấy như vậy, biết như vậy, ta không hỏi ông. Nếu có người khác hỏi ông, ‘Vì Già-di-ni biết rằng binh tốt Câu-lệ-sầu phạm rất nhiều những giới cấm, chỉ làm những ác pháp; nhân việc đó nên Già-di-ni cũng phạm rất nhiều cấm giới, chỉ làm các ác pháp’. Nên nói như vậy, là lời nói đúng sự thật chăng?”

Già-di-ni đáp:

“Không phải vậy, thưa Cù-đàm. Vì sao thế? Vì binh tốt Câu-lệ-sầu có tri kiến khác, có sở nguyện khác, nên binh tốt Câu-lệ-sầu phạm rất nhiều cấm giới, chỉ làm các ác pháp. Còn tôi thì rất trì giới, không làm các ác pháp”.

Lại hỏi:

“Già-di-ni, ông biết binh tốt Câu-lệ-sầu phạm rất nhiều cấm giới, chỉ làm các ác pháp, nhưng ông không do đó mà phạm cấm giới, chỉ làm các ác pháp. Vậy thì vì sao không thể rằng Như Lai biết huyền thuật, trong khi chính mình không phải là nhà huyền

thuật. Vì sao thế? Ta biết huyền thuật, biết người huyền thuật, biết quả báo của huyền thuật, biết đoạn trừ huyền thuật.

“Này Già-di-ni, Ta cũng biết sát sanh, biết người sát sanh, biết sự đoạn trừ sát sanh. Này Già-di-ni, Ta biết việc lấy của không cho, biết người lấy của không cho, biết quả báo việc lấy của không cho, biết sự đoạn trừ việc lấy của không cho. Này Già-di-ni, Ta biết việc nói dối, biết người nói dối, biết quả báo việc nói dối, biết đoạn trừ sự nói dối. Này Già-di-ni, Ta biết như vậy, thấy như vậy. Ai nói như vậy: ‘Sa-môn Cù-đàm biết huyền thuật tức là nhà huyền thuật’, nếu người ấy chưa đoạn trừ lời nói này, mà nghe tâm ấy, dục ấy, nguyện ấy, văn ấy, niệm ấy, quán ấy, thì trong khoảnh khắc như co duỗi cánh tay, mạng chung sanh vào địa ngục”.

Già-di-ni nghe vậy, kinh hãi khủng khiếp, lông trên mình dựng đứng lên, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ chân Phật, quỳ mọp, chấp tay hướng về Thế Tôn mà bạch rằng:

“Cù-đàm, tôi ăn năn tội lỗi. Thiện Thệ, tôi tự thú. Tôi như ngu, như si, như bất định, như bất thiện. Vì sao thế? Vì tôi nói quấy rằng Sa-môn Cù-đàm là nhà huyền thuật. Mong Thiện Thệ cho tôi được ăn năn tội lỗi, thấy tội thì bày tỏ. Tôi đã ăn năn tội rồi, sẽ giữ gìn không để tái phạm nữa”.

Thế Tôn bảo rằng:

“Thật như vậy, Già-di-ni, ông quả thật ngu, như si, như bất định, như bất thiện. Vì sao thế? Vì ông dối với Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, mà nói quấy là nhà huyền thuật. Nhưng ông có thể ăn năn tội lỗi, thấy tội thì nên bày tỏ, giữ gìn không để tái phạm nữa. Như vậy, này Già-di-ni, nếu có người ăn năn tội lỗi, thấy tội nên bày tỏ, hộ trì mà không tạo lại nữa, thì trường dưỡng Thánh pháp, không còn có sự sai lầm nữa”.

Lúc đó Già-di-ni chấp tay hướng về Đức Thế Tôn mà bạch rằng:

“Thưa Cù-đàm, có Sa-môn, Phạm chí, thấy thế này, nói thế này: ‘Nếu kẻ nào sát sanh, kẻ ấy nhất thiết thọ báo ngay trong đời này; nhân đó mà sanh ra ưu khổ. Nếu kẻ nào lấy của không cho, nói dối, kẻ ấy nhất thiết thọ báo; nhân đó mà sanh ra ưu khổ’. Thưa Sa-môn Cù-đàm, ý Ngài nghĩ sao?”

Đức Thế Tôn bảo rằng:

Này Già-di-ni, nay Ta hỏi ông, tùy sự hiểu biết mà trả lời. Này Già-di-ni, ý ông nghĩ sao? Nếu trong thôn ấp, hoặc có một người đầu đội tràng hoa, dùng nhiều loại hương xoa vào thân, rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích, vui cười nữ sắc, hoan lạc như vua. Nếu có người hỏi rằng: 'Người này trước kia làm những gì mà nay đầu đội tràng hoa, hoặc dùng nhiều loại hương xoa vào thân rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích, vui cười nữ sắc, hoan lạc như vua?' Hoặc có người trả lời rằng: 'Người ấy vì Quốc vương mà giết hại kẻ thù. Quốc vương sau khi vui vẻ liền ban thưởng cho. Do đó người ấy đầu đội tràng hoa, dùng nhiều loại hương xoa vào thân, rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích, vui cười nữ sắc, hoan lạc như vua. "Này Già-di-ni, ông có thấy như vậy, nghe như vậy chăng?"

Già-di-ni đáp:

"Tôi có thấy như vậy, nghe như vậy, Cù-đàm. Tôi đã nghe và sẽ được nghe nữa".

"Già-di-ni, rồi lại thấy Quốc vương bắt bố tội nhân, trói quặt hai tay lại, đánh trống, xướng lệnh, kéo ra cửa thành phía Nam, để ngồi dưới cây nêu cao, rồi chém bêu đầu. Nếu có người hỏi rằng: 'Người này phạm tội gì mà bị Quốc vương giết nhỉ?' Hoặc có người trả lời rằng: 'Người này giết lầm người vô tội trong Vương gia, do đó Quốc vương ra lệnh hành hình như vậy'. Này Già-di-ni, ông có thấy như vậy, nghe như vậy chăng?"

Già-di-ni trả lời:

"Tôi có thấy như vậy, Cù-đàm, tôi đã nghe và sẽ được nghe nữa".

"Này Già-di-ni, nếu có Sa-môn, Phạm chí, thấy như vậy, nói như vậy: 'Nếu có người nào sát sanh người ấy nhất thiết phải thọ báo ngay trong hiện tại này; nhân đó mà sanh ra ưu khổ', thì đó là lời nói chân thật hay lời nói hư dối?"

Già-di-ni đáp:

"Đó là lời nói hư dối, thưa Cù-đàm".

"Nếu người ấy nói hư vọng, ông có tin chăng?"

Già-di-ni đáp:

"Tôi không tin, thưa Cù-đàm".

Đức Thế Tôn khen rằng:

“Lành thay, Già-di-ni, Ta lại hỏi ông, ông nghĩ thế nào? Nếu trong thôn ấp, hoặc có người đầu đội tràng hoa, dùng nhiều thứ hương xoa vào thân, rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích, vui chơi nữ sắc, hoan lạc như vua. Nếu có người hỏi rằng: ‘Người này trước kia đã làm những việc gì mà nay đầu đội tràng hoa, dùng nhiều thứ hương xoa vào thân, rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích vui chơi nữ sắc, hoan lạc như vua?’ Hoặc có người trả lời rằng, ‘Người ấy ở nước khác, vì lấy của không cho, do đó người ấy đầu đội tràng hoa, dùng nhiều thứ hương xoa vào thân, rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích vui chơi nữ sắc, hoan lạc như vua’. Nay Già-di-ni, ông có thấy như vậy, nghe như vậy chăng?”

Già-di-ni thưa:

“Tôi có thấy như vậy, thưa Cù-đàm, tôi đã nghe và sẽ được nghe nữa”.

“Này Già-di-ni, rồi lại thấy Quốc vương bắt bố tội nhân trói quặt hai tay ra sau, đánh trống, xướng lệnh kéo ra cửa phía Nam, để ngồi dưới gốc cây nêu cao rồi chém bêu đầu. Nếu có người hỏi rằng: ‘Người này mắc tội gì mà bị Quốc vương giết chết?’ Hoặc có người trả lời rằng: ‘Người ấy lấy của không cho trong Vương gia, do đó Quốc vương ra lệnh hành hình như vậy’. Nay Già-di-ni, ông có thấy như vậy, nghe như vậy chăng?”

Già-di-ni trả lời rằng:

“Tôi có thấy như vậy, Cù-đàm, tôi đã nghe và sẽ được nghe nữa”.

“Này Già-di-ni, nếu có Sa-môn, Phạm chí thấy và nói như vậy: ‘Nếu có kẻ nào lấy của không cho, kẻ ấy nhất thiết phải thọ báo ngay trong đời hiện tại này, nhân đó mà sanh ra ưu khổ’, thì lời nói đó chân thật hay lời nói hư dối?”

Già-di-ni đáp:

“Đó là lời nói hư dối, thưa Cù-đàm”.

“Nếu người ấy nói hư vọng, ông có tin chăng?”

Già-di-ni đáp:

“Tôi không tin, thưa Cù-đàm!”

Đức Thế Tôn khen rằng.

“Lành thay! Lành thay! Già-di-ni!”

Lại hỏi Già-di-ni:

“Già-di-ni, ông nghĩ thế nào, nếu trong thôn ấp hoặc có người đầu đội tràng hoa, dùng nhiều thứ hương xoa vào thân, rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích vui chơi nữ sắc, hoan lạc như vua. Nếu có người hỏi rằng: ‘Người ấy trước kia làm những việc gì mà nay đầu đội tràng hoa, dùng nhiều thứ hương xoa vào thân, rồi xướng nhạc ca vũ, tự mình thỏa thích vui chơi nữ sắc, hoan lạc như vua?’ Hoặc có người trả lời rằng: ‘Người ấy ca múa để vui giỡn, cười đùa. Người ấy bằng lời nói dối làm cho Quốc vương vui vẻ. Sau khi Quốc vương vui vẻ liền ban thưởng cho, do đó người ấy đầu đội tràng hoa, dùng nhiều thứ hương xoa vào thân, rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích vui chơi nữ sắc, hoan lạc như vua’. Nay Già-di-ni, ông có thấy như vậy, nghe như vậy chăng?”

Già-di-ni trả lời rằng:

“Tôi có thấy như vậy, Cù-đàm, tôi đã nghe và sẽ được nghe nữa”.

“Này Già-di-ni, rồi lại thấy Quốc vương bắt bố tội nhân, dùng gậy đánh đến chết, rồi bỏ vào củi cây, chở trên xe trống đi ra cửa thành phía Bắc, vất vào trong rãnh nước, nếu có người hỏi rằng: ‘Người ấy mắc tội gì mà bị quốc vương giết chết đi?’ Hoặc có người trả lời rằng: ‘Người ấy ở trước Quốc vương nói dối là có chứng đắc, người ấy do lừa gạt Quốc vương bằng lời nói dối nên bị Quốc vương ra lệnh bắt làm như thế’. Nay Già-di-ni, ông có thấy như vậy, nghe như vậy không?”

Già-di-ni trả lời rằng:

“Tôi có thấy vậy, Cù-đàm, tôi đã nghe và sẽ nghe nữa”.

“Này Già-di-ni, ông nghĩ thế nào, nếu có Sa-môn, Phạm chí thấy như vậy, nói như vậy: ‘Nếu có người nào nói dối, người ấy nhất thiết phải thọ báo ngay trong đời hiện tại này, nhân đó mà sanh ra ưu khổ’, thì lời nói đó là lời nói chân thật hay hư dối?”

Già-di-ni đáp:

“Đó là lời nói hư dối, thưa Cù-đàm”.

“Nếu người ấy nói hư vọng, ông có tin chăng?”

Già-di-ni đáp:

“Tôi không tin, thưa Cù-đàm”.

Đức Thế Tôn khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Già-di-ni!”

Lúc đó, Già-di-ni liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai sửa áo chấp tay hướng về Thế Tôn mà thưa rằng:

“Kỳ diệu thay, những điều Cù-đàm nói rất vi diệu, khéo ví dụ, khéo dẫn chứng. Bạch Cù-đàm, tôi ở trong Bắc thôn có xây dựng một ngôi nhà cao lớn, sắp đặt giường nệm, để sẵn đồ chứa nước thắp sáng những ngọn đèn lớn. Nếu có vị Sa-môn, Phạm chí tinh tấn nào đến nghỉ ở ngôi nhà cao lớn ấy, tôi sẽ tùy khả năng mà cung cấp những gì vị ấy cần thiết. Có bốn vị luận sĩ mà sở kiến khác nhau, cùng đến tập hợp tại ngôi nhà cao lớn ấy. Trong đó có một vị luận sĩ thấy như vậy, nói như vậy: ‘Không có bổ thí, không có trai tễ, không có chú thuyết, không có nghiệp thiện, nghiệp ác, không có nghiệp báo thiện ác, không có đời này đời sau, không có cha, không có mẹ, trên đời không có bậc chân nhân đi đến thiện xứ, khéo đi, khéo hướng, tự tri, tự giác, tự chứng ngộ đời này và đời khác, thành tựu và an trụ’.

“Vị luận sư thứ hai lại có sở kiến trái ngược với sở kiến của vị luận sư thứ nhất. Vị ấy cũng thấy như vậy, nói như vậy: ‘Có bổ thí, có trai tễ, có chú thuyết, có nghiệp thiện ác, có nghiệp báo thiện ác, có đời này đời sau, có cha có mẹ có bậc chân nhân trên đời này đi đến thiện xứ, khéo đi, khéo hướng, tự tri, tự giác, tự chứng ngộ đời này và đời khác, thành tựu và an trụ’.

“Vị luận sư thứ ba thấy như vậy, nói như vậy: ‘Tự mình làm và sai bảo người khác làm, tự mình chém giết và sai bảo người khác chém giết, tự mình nấu và sai bảo người khác nấu; ưu sầu, phiền muộn, lo lắng, đấm ngực, áo não, khóc lóc, ngu si; sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, uống rượu; đào vách, mở kho, đến ngõ hẻm khác để ăn cướp, phá làng hại xóm, phá thành, diệt nước; làm như thế không phải là làm ác. Lại dùng vòng sắt bén như dao cạo, người ấy đối với tất cả chúng sanh ở trên cõi đời này, trong vòng một ngày mà bửa, mà cắt, mà chém, mà chặt, mà lột da, mà lóc xẻ từng mảng thịt, lách từng phần từng khối; do vậy vẫn không có nghiệp ác, do vậy vẫn không có nghiệp báo ác. Ở bờ sông Hằng-già phía Nam, giết rồi cắt, rồi khiến nấu; và ở bờ sông Hằng-già phía Bắc mà bổ thí, trai tễ, chú thuyết. Không do đó mà có tội hay có phước; không do đó mà có quả báo tội

phước. Cấp thí, tự chế ngự, thủ hộ, nhiếp trì, tán thán, nhiều ích, ái ngữ lợi hành, không do đó mà có phước, không do đó mà có quả báo của phước’.

Luận sĩ thứ tư lại có sở kiến trái ngược sở kiến vị luận chủ thứ ba. Vị ấy thấy như vậy, nói như vậy: ‘Tự mình làm và sai bảo người khác làm, tự mình chém giết và sai bảo người khác chém giết, tự mình nấu và sai bảo người khác nấu; ưu sầu, phiền muộn, lo lắng, đấm ngực, áo não, khóc lóc, ngu si; sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, uống rượu; đào vách, mở kho, đến ngõ hẻm khác để ăn cướp, phá làng hại xóm, phá thành, diệt nước; làm như thế chính là làm ác. Lại dùng vòng sắt bén như dao cạo, người ấy đối với tất cả chúng sanh ở trên cõi đất này, trong vòng một ngày mà bửa, mà cắt, mà chém, mà chặt, mà lột da, mà lóc xẻ từng mảng thịt, lách từng phần từng khối; do vậy vẫn không có nghiệp ác, do vậy vẫn không có nghiệp báo ác. Ở bờ sông Hằng-già phía Nam, giết rồi cắt, rồi khiến nấu’; và ở bờ sông Hằng-già phía Bắc mà bồ thí, trai tể, chú thuyết. Do đó có tội có phước; do đó mà có quả báo tội phước. Cấp thí, tự chế, thủ hộ, nhiếp trì, tán thán, nhiều ích, ái ngữ, lợi hành, do đó mà có quả báo tội phước.

“Thưa Cù-đàm, tôi nghe như vậy liền sanh nghi hoặc: ‘Những vị Sa-môn, Phạm chí đó, ai nói chân thật, ai nói hư dối?’.”

Đức Thế Tôn trả lời:

“Này Già-di-ni, ông chớ sanh nghi hoặc. Vì sao thế? Vì do có nghi hoặc mà sanh ra do dự. Này Già-di-ni, ông tự mình không có tịnh trí, để biết là có đời sau hay không có đời sau. Này Già-di-ni, ông lại cũng không có tịnh trí để biết điều được làm là ác hay điều được làm là thiện? Này Già-di-ni, có một pháp định được gọi là “Viễn ly”. Ông nhờ định ấy sẽ có thể được chánh niệm, có thể đạt tới nhất tâm; như vậy, ở trong đời hiện tại ông sẽ đoạn trừ sự nghi hoặc, và được thăng tấn”.

Lúc đó Già-di-ni từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai sửa áo, chấp tay hướng về Đức Thế Tôn mà bạch rằng:

“Thưa Cù-đàm, thế nào là có một pháp định được gọi là “Viễn ly”. Tôi nhờ định ấy sẽ có thể được chánh niệm, có thể đạt tới nhất tâm; như vậy, ở trong đời hiện tại tôi có thể đoạn trừ sự nghi hoặc, và được thăng tấn?”

Đức Thế Tôn bảo rằng:

“Thánh đệ tử đa văn xa lìa sự giết, đoạn trừ sự giết; đoạn trừ sự lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến đoạn trừ tà kiến và được chánh kiến. Vị ấy ban ngày cày ruộng, và gieo giống; đến chiều nghỉ ngơi và vào nhà ngồi thiền định; qua đêm, lúc hừng sáng suy nghĩ như vậy: ‘Ta xa lìa sự giết, đoạn trừ sự giết; đoạn trừ sự lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến đoạn trừ tà kiến và được chánh kiến. Vị ấy liền tự thấy: ‘Ta đã đoạn trừ mười nghiệp đạo ác và niệm mười nghiệp đạo thiện’. Vị ấy sau khi tự thấy: ‘Ta đã đoạn trừ mười nghiệp đạo ác và niệm mười nghiệp đạo thiện’, liền sanh ra hân hoan. Sau khi sanh ra hân hoan liền phát sanh hỷ; sau khi phát sanh hỷ, thân liền an định; sau khi thân được an định, thân liền cảm giác lạc. Sau khi thân cảm giác lạc thì được nhất tâm. Nay Già-di-ni, sau khi Thánh đệ tử Đa văn được nhất tâm rồi thì tâm câu hữu với từ, biến khắp một phương, thành tựu và an trụ. Cũng thế hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến khắp tất cả, tâm câu hữu với từ, không kết không oán, không sân, không nhuế, không náo hại, quảng đại vô biên, vô lượng, khéo tu tập biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ.

“Vị ấy suy nghĩ như vậy: “Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào thấy như vậy, nói như vậy: ‘Không có sự bố thí, không có trai tể, không có chú thuyết, không có nghiệp thiện ác, không có nghiệp báo thiện ác, không có đời này đời sau, không có cha, không có mẹ trên đời, không có bậc thiện nhân đi đến thiện xứ, khéo đi, khéo hướng, tự tri, tự giác, tự chứng ngộ đời này và đời khác, thành tựu và an trụ’. Nếu điều vị Sa-môn, Phạm chí kia nói ra là chân thật, ta không xâm phạm đời, dù sợ hãi hay không sợ hãi, thường thương mến tất cả thế gian. Tâm ta không cùng thế gian tranh cãi, cũng không có sự hân hoan thô trực. Nay ta được pháp của bậc Vô thượng, thăng tấn đến trú xứ an lạc. Đó là pháp định viễn ly. Những gì Sa-môn, Phạm chí kia nói, không cho là đúng, không cho là sai. Sau khi không cho là đúng, không cho là sai, liền được nội tâm tĩnh chỉ.

“Nay Già-di-ni, đó là pháp định, được gọi là viễn ly. Ông có thể nhân định này mà được chánh niệm, mà được nhất tâm. Như vậy, ông có thể đoạn hết nghi hoặc trong đời hiện tại mà được thăng tiến.

“Lại nữa Già-di-ni: Thánh đệ tử đa văn xa lìa sự giết, đoạn trừ sự giết; đoạn trừ sự lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến đoạn trừ tà kiến và được chánh kiến. Vị ấy ban ngày cày ruộng, và gieo giống; đến chiều nghỉ ngơi và vào nhà ngồi thiền định; qua đêm, lúc hừng sáng suy nghĩ như vậy: ‘Ta xa lìa sự giết, đoạn trừ sự giết; đoạn trừ sự lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến đoạn trừ tà kiến và được chánh kiến. Vị ấy liền tự thấy: ‘Ta đã đoạn trừ mười nghiệp đạo ác và niệm mười nghiệp đạo thiện’. Vị ấy sau khi tự thấy: ‘Ta đã đoạn trừ mười nghiệp đạo ác và niệm mười nghiệp đạo thiện’, liền sanh ra hân hoan. Sau khi sanh ra hân hoan liền phát sanh hỷ; sau khi phát sanh hỷ, thân liền an định; sau khi thân được an định, thân liền cảm giác lạc. Sau khi thân cảm giác lạc thì được nhất tâm. Nay Già-di-ni, sau khi Thánh đệ tử đa văn được nhất tâm rồi thì tâm câu hữu với bi, biến khắp một phương thành tựu và an trụ; cũng thế hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến khắp tất cả. Tâm câu hữu với bi, không kết, không oán không sân nhuế, không náo hại, quảng đại, vô lượng vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ.

“Vị ấy suy nghĩ như vậy: “Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào thấy như vậy, nói như vậy: ‘Có sự bố thí, có trai tể, có chú thuyết, có nghiệp thiện ác, có nghiệp báo thiện ác, có đời này đời sau, có cha, có mẹ trên đời, có bậc thiện nhân đi đến thiện xứ, khéo đi, khéo hướng, tự tri, tự giác, tự chứng ngộ đời này và đời khác, thành tựu và an trụ’. Nếu điều vị Sa-môn, Phạm chí kia nói ra là chân thật, ta không xâm phạm đời, dù sợ hãi hay không sợ hãi, thường thương mến tất cả thế gian. Tâm ta không cùng thế gian tranh cãi, cũng không có sự hân hoan thô trước. Nay ta được pháp của bậc Vô thượng, thăng tấn đến trú xứ an lạc. Đó là pháp định viễn ly. Những gì Sa-môn, Phạm chí kia nói, không cho là đúng, không cho là sai. Sau khi không cho là đúng, không cho là sai, liền được nội tâm tĩnh chỉ.

“Nay Già-di-ni, đó là pháp định, được gọi là viễn ly. Ông có thể nhân định này mà được chánh niệm, mà được nhất tâm; như vậy, ông có thể đoạn hết nghi hoặc trong đời hiện tại mà được thăng tiến.

“Lại nữa Già-di-ni, Thánh đệ tử đa văn xa lìa sự giết, đoạn trừ sự giết; đoạn trừ sự lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến đoạn trừ tà kiến và được chánh kiến. Vị ấy ban ngày cày ruộng,

và gieo giống; đến chiều nghỉ ngơi và vào nhà ngồi thiền định; qua đêm, lúc hừng sáng suy nghĩ như vậy: 'Ta xa lìa sự giết, đoạn trừ sự giết; đoạn trừ sự lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến đoạn trừ tà kiến và được chánh kiến. Vị ấy liền tự thấy: 'Ta đã đoạn trừ mười nghiệp đạo ác và niệm mười nghiệp đạo thiện'. Vị ấy sau khi tự thấy: 'Ta đã đoạn trừ mười nghiệp đạo ác và niệm mười nghiệp đạo thiện', liền sanh ra hân hoan. Sau khi sanh ra hân hoan liền phát sanh hỷ; sau khi phát sanh hỷ, thân liền an định; sau khi thân được an định, thân liền cảm giác lạc. Sau khi thân cảm giác lạc thì được nhất tâm. Nay Già-di-ni, sau khi Thánh đệ tử đa văn được nhất tâm rồi thì tâm câu hữu với hỷ, biến khắp một phương thành tựu và an trụ; cũng thế hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến khắp tất cả. Tâm câu hữu với hỷ, không kết, không oán, không sân nhuế, không náo hại, quảng đại, vô lượng vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ.

"Vị ấy suy nghĩ như vậy: 'Tự mình làm và sai bảo người khác làm, tự mình chém giết và sai bảo người khác chém giết, tự mình nấu và sai bảo người khác nấu; ưu sầu, phiền muộn, lo lắng, đấm ngực, áo não, khóc lóc, ngu si; sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, uống rượu; đào vách, mở kho, đến ngõ hẻm khác để ăn cướp, phá làng hại xóm, phá thành, diệt nước; làm như thế không phải là làm ác. Lại dùng vòng sắt bén như dao cạo, người ấy đối với tất cả chúng sanh ở trên cõi đất này, trong vòng một ngày mà bửa, mà cắt, mà chém, mà chặt, mà lột da, mà lóc xẻ từng mảng thịt, lách từng phần từng khối; do vậy vẫn không có nghiệp ác, do vậy vẫn không có nghiệp báo ác. Ở bờ sông Hằng-già phía Nam, giết rồi cắt, rồi khiến nấu'; và ở bờ sông Hằng-già phía Bắc mà bồ thí, trai tế, chú thuyết. Không do đó mà có tội hay có phước; không do đó mà có quả báo tội phước. Cấp thí, tự chế ngự, thủ hộ, nhiếp trì, tán thán, nhiều ích, ái ngữ lợi hành, không do đó mà có phước, không do đó mà có quả báo của phước'. Nếu điều vị Sa-môn, Phạm chí kia nói ra là chân thật, ta không xâm phạm đời, dù sợ hãi hay không sợ hãi, thường thương mến tất cả thế gian. Tâm ta không cùng thế gian tranh cãi, cũng không có sự hân hoan thô trược. Nay ta được pháp của bậc Vô thượng, thăng tấn đến trú xứ an lạc. Đó là pháp định viên ly. Những gì Sa-môn, Phạm chí kia nói, không cho là đúng, không

cho là sai. Sau khi không cho là đúng, không cho là sai, liền được nội tâm tĩnh chỉ.

“Này Già-di-ni, đó là pháp định, được gọi là viễn ly. Ông có thể nhân định này mà được chánh niệm, mà được nhất tâm. Như vậy, ông có thể đoạn hết nghi hoặc trong đời hiện tại mà được thăng tiến.

“Lại nữa Già-di-ni, Thánh đệ tử đa văn xa lìa sự giết, đoạn trừ sự giết; đoạn trừ sự lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến đoạn trừ tà kiến và được chánh kiến. Vị ấy ban ngày cày ruộng, và gieo giống; đến chiều nghỉ ngơi và vào nhà ngồi thiền định; qua đêm, lúc hừng sáng suy nghĩ như vậy: ‘Ta xa lìa sự giết, đoạn trừ sự giết; đoạn trừ sự lấy của không cho, tà dâm, nói dối, cho đến đoạn trừ tà kiến và được chánh kiến. Vị ấy liền tự thấy: ‘Ta đã đoạn trừ mười nghiệp đạo ác và niệm mười nghiệp đạo thiện’. Vị ấy sau khi tự thấy: ‘Ta đã đoạn trừ mười nghiệp đạo ác và niệm mười nghiệp đạo thiện’, liền sanh ra hân hoan. Sau khi sanh ra hân hoan liền phát sanh hỷ; sau khi phát sanh hỷ, thân liền an định; sau khi thân được an định, thân liền cảm giác lạc. Sau khi thân cảm giác lạc thì được nhất tâm. Này Già-di-ni, sau khi Thánh đệ tử đa văn được nhất tâm rồi thì tâm câu hữu với xả, biến khắp một phương thành tựu và an trụ; cũng thế hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến khắp tất cả. Tâm câu hữu với xả, không kết, không oán, không sân nhuế, không não hại, quảng đại, vô lượng vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trụ.

“Vị ấy suy nghĩ như vậy: ‘Tự mình làm và sai bảo người khác làm, tự mình chém giết và sai bảo người khác chém giết, tự mình nấu và sai bảo người khác nấu; ưu sầu, phiền muộn, lo lắng, dâm ngực, áo nhiễu, khóc lóc, ngu si; sát sanh, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, uống rượu; đào vách, mở kho, đến ngõ hẻm khác để ăn cướp, phá làng hại xóm, phá thành, diệt nước; làm như thế thật sự là làm ác. Lại dùng vòng sắt bén như dao cạo, người ấy đối với tất cả chúng sanh ở trên cõi đất này, trong vòng một ngày mà bửa, mà cắt, mà chém, mà chặt, mà lột da, mà lóc xẻ từng mảng thịt, lách từng phần từng khối; do vậy có nghiệp ác, do vậy có nghiệp báo ác. Ở bờ sông Hằng-già phía Nam, giết rồi cắt, rồi khiến nấu; và ở bờ sông Hằng-già phía Bắc mà bồ thí, trai tế, chú thuyết. Do đó mà có tội hay có phước; do đó mà có quả báo tội phước. Cấp thí, tự chế ngự, thủ hộ, nhiếp trì, tán thán, nhiều ích,

ái ngữ, lợi hành; do đó mà có phước, do đó mà có quả báo của phước'. Nếu điều vị Sa-môn, Phạm chí kia nói ra là chân thật, ta không xâm phạm đời, dù sợ hãi hay không sợ hãi, thường thương mến tất cả thế gian. Tâm ta không cùng thế gian tranh cãi, cũng không có sự hân hoan thô trước. Nay ta được pháp của bậc Vô thượng, thăng tấn đến trú xứ an lạc. Đó là pháp định viễn ly. Những gì Sa-môn, Phạm chí kia nói, không cho là đúng, không cho là sai. Sau khi không cho là đúng, không cho là sai, liền được nội tâm tĩnh chỉ.

“Này Già-di-ni, đó là pháp định, được gọi là viễn ly. Ông có thể nhân định này mà được chánh niệm, mà được nhất tâm. Như vậy, ông có thể đoạn hết nghi hoặc trong đời hiện tại mà được thăng tiến”.

Khi Phật nói bài pháp ấy xong, Già-di-ni viễn ly trần cấu, phát sanh con mắt thanh tịnh thấy rõ các pháp. Lúc đó, Già-di-ni thấy pháp, chứng pháp, giác ngộ pháp bạch tịnh, đoạn nghi, vượt qua hoặc, không còn tôn sùng ai khác, không còn do ai khác, không còn do dự, đã trụ nói quả chứng đạt, được vô sở úy đối với giáo pháp của Thế Tôn, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ dưới chân Phật mà bạch rằng.

“Bạch Đức Thế Tôn, con từ nay xin quy y Phật, quy y Pháp và Chúng Tỳ-kheo; cúi mong Đức Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc; bắt đầu từ hôm nay, trọn đời quy y cho đến khi mạng chung”.

Phật thuyết như vậy. Ba-la-lao Già-di-ni và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.